

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA

Trụ sở chính Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố
Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Điện thoại (0258) 3865678

Website www.sanna.com.vn

2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



MỤC LỤC

1

03

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG

2

19

CHƯƠNG II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM 2019

3

41

CHƯƠNG III

BÁO CÁO CỦA
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

4

51

CHƯƠNG IV

ĐÁNH GIÁ CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5

59

CHƯƠNG V

QUẢN TRỊ CÔNG TY

6

71

CHƯƠNG VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN NĂM 2019



CHƯƠNG 1: THÔNG TIN CHUNG

Thông tin chung

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Sơ đồ tổ chức

Các giải thưởng tiêu biểu

Định hướng phát triển

Các rủi ro



Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa



Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa
Tên Tiếng Anh	SANNA KHANH HOA BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 4201675930 được cấp lần đầu ngày 28/01/2016 và thay đổi lần thứ 1 vào ngày 16/11/2017 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.
Mã cổ phiếu	SKN
Vốn điều lệ	50.000.000.000 đồng
Trụ sở chính	Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.
Điện thoại	(0258) 3 865678
Fax	(0258) 3 865676
Email	sannakhanhhoa@sanna.com.vn
Website	www.sannakhanhhoa.com.vn



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2007

Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc mở rộng ngành nghề kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa kinh tế địa phương, Công ty Yến Sào Khánh Hòa đã ra quyết định thành lập Nhà máy Nước Khoáng Thiên Nhiên Yến Sào. Theo quyết định số 162/QĐ-YS với lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh là sản xuất nước khoáng thiên nhiên thương hiệu Sanna. Ngay từ khi vừa thành lập, Công ty đã đưa vào áp hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 và HACCP góp phần đưa ra thị trường dòng sản phẩm nước khoáng thiên nhiên với chất lượng vượt trội.

2008

Sanna vinh dự trở thành thương hiệu tài trợ nước uống chính thức cho cuộc thi Hoa Hậu Hoàn Vũ được tổ chức tại Việt Nam.

2011

Nhà máy Nước giải khát Sanna được thành lập trực thuộc Công ty Yến Sào Khánh Hòa theo quyết định số 39/QĐ-YS với lĩnh vực chính là sản xuất nước uống đóng chai và đồ uống không cồn.

2012

Nhà máy đã cho ra đời dòng sản phẩm nước Hồng sâm Sanna: được sản xuất dựa trên 02 nguyên liệu chính là Hồng sâm cao cấp của Hàn Quốc với mật ong rừng thiên nhiên tạo nên hương vị thơm ngon, hấp thu nhanh, tốt cho những người lao động về trí óc, thể lực. Sản phẩm nước Hồng sâm Sanna đã được Bộ Y tế - Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam chứng nhận là sản phẩm có thành tích tiêu biểu vì sự nghiệp chăm sóc sức khỏe cộng đồng, là sản phẩm uy tín, chất lượng vì sức khỏe cộng đồng và được Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam cấp quyền sử dụng dấu hiệu Top 10 sản phẩm hàng đầu Hội nhập WTO 2012.

Nhà máy Nước Giải Khát Sanna Cam Thịnh công suất 30.000 sản phẩm/ca sản xuất chính thức đi vào hoạt động theo quyết định số 586/QĐ-YS. Tọa lạc trên trục đường Quốc lộ 1A, thuộc thôn Mỹ Thạnh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, cách thành phố Nha Trang 60 km về phía Nam.

Nhà máy nghiên cứu thành công sản phẩm mới nước Rong biển Sanna được chế biến từ nguồn rong biển thiên nhiên giàu chất dinh dưỡng của vùng biển Khánh Hòa, kết hợp với các loại thảo dược như la hán quả, kim ngân hoa, cúc hoa, hạ khô thảo.

2015

Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc tái cơ cấu doanh nghiệp, Nhà máy chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Nước giải khát Sanna Khánh Hòa theo quyết định số 2340/QĐ-YS của Công ty Yến Sào Khánh Hòa.

2016

Với những hiệu quả tốt mà sản phẩm mang lại, Tạp chí thương hiệu Việt đã cấp quyền sử dụng dấu hiệu Sản phẩm Việt hội nhập WTO 2013 cho sản phẩm nước Rong biển, đồng thời nước Rong biển Sanna còn được Hiệp hội thực phẩm chức năng Việt Nam vinh danh sản phẩm vàng vì sức khỏe cộng đồng và được chứng nhận là thực phẩm an toàn tin dùng năm 2016 của Hội Khoa học Kỹ thuật An toàn Thực phẩm Việt Nam.

2017

Sau thời gian nghiên cứu, trên cơ sở ưu tiên sử dụng các nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương gắn với nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng. Đầu năm 2017, Công ty đưa vào sản xuất 02 dòng sản phẩm mới nước Chanh dây và nước Chanh muối, bước đầu đã nhận được những phản hồi tích cực từ thị trường.

Công ty TNHH MTV Nước giải khát Sanna Khánh Hòa tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu, chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa;

Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa có vốn điều lệ 50 tỷ đồng, tương đương 5 triệu cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Công ty đã bán 49% cổ phần cho người lao động, nhà đầu tư phổ thông, nhà đầu tư chiến lược, 51% còn lại do Nhà nước nắm giữ. Sau khi cổ phần hóa, giai đoạn 2017 - 2019, Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa sẽ phát huy thế mạnh cung cấp các sản phẩm nước uống đóng chai và nước giải khát mang thương hiệu Sanna. Đồng thời, tiếp tục đầu tư nghiên cứu các dòng sản phẩm mới có khả năng đáp ứng đòi hỏi khắt khe của thị trường.

2018

Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng.

2019

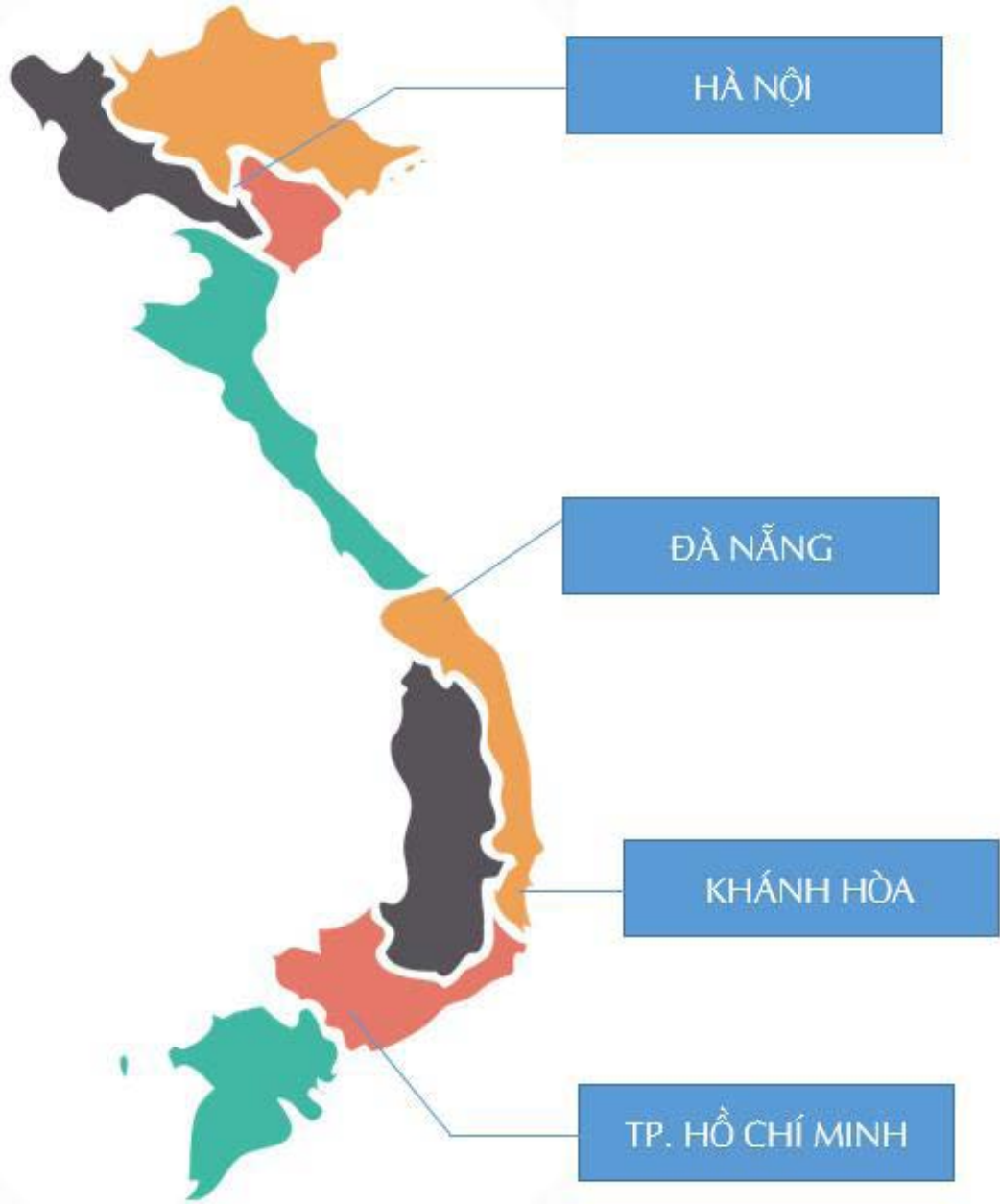
Công ty tiếp tục phát huy truyền thống nghiên cứu và phát triển, phấn đấu cho ra đời nhiều dòng sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Với phương châm “Đồng hành cùng thể thao Việt Nam”, với dòng sản phẩm của Công ty đã được vinh danh tại các sự kiện lớn của quốc gia và quốc tế như: vòng chung kết Giải bóng rổ U21 Châu Á, vòng chung kết Giải bóng chày thiếu niên Quốc tế, Giải vô địch Futsal toàn quốc cùng các sự kiện thể thao lớn trong và ngoài nước. Đồng thời thương hiệu Sanna cũng đồng hành và nuôi dưỡng các đội bóng đá Futsal Sanna, đội bóng chuyên Sanna, đội bóng chuyên bãi biển Sanna, đội U21 tỉnh Khánh Hòa và luôn đạt thành tích tốt trong top các đội dẫn đầu.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

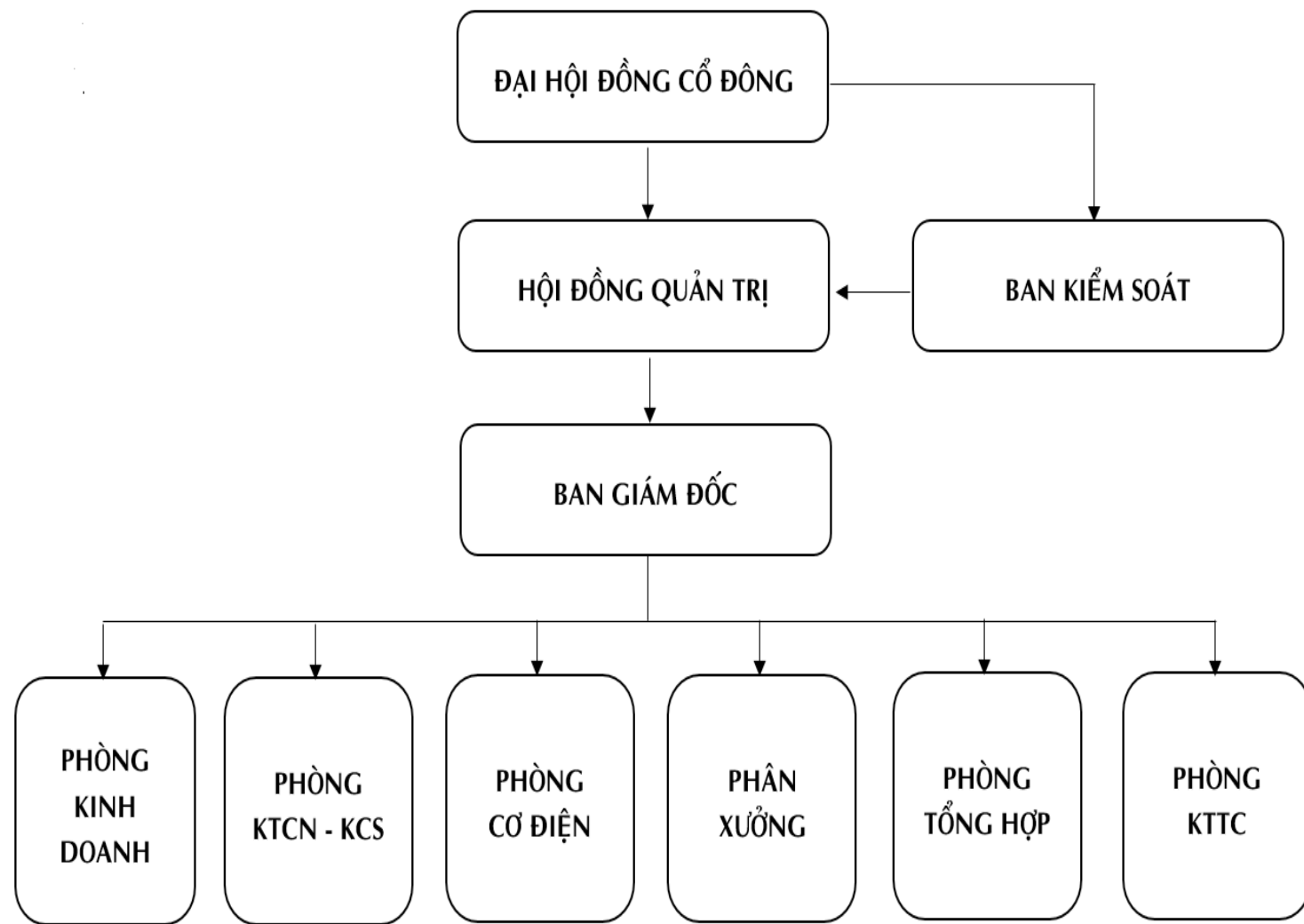
STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
2	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
3	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104 (chính)
4	Bán buôn thực phẩm	4632
5	Bán buôn đồ uống <i>Chi tiết: bán buôn đồ uống không có cồn, rượu, bia.</i>	4633
6	Điều hành tua du lịch <i>Chi tiết: kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế.</i>	7912
7	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: bán lẻ đồ uống không có cồn, rượu, bia.</i>	4723
8	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
9	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <i>Chi tiết: kinh doanh khách sạn, làng du lịch.</i>	5510
10	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
11	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
12	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty có trụ sở tại tỉnh Khánh Hòa, với hệ thống phân phối đa dạng từ tiền thân là thành viên của Công ty TNHH NN MTV Yến Sào Khánh Hòa. Công ty đã phát huy thế mạnh thị phần từ hệ thống phân phối trước đây từ những bạn hàng, đối tác các cửa hàng giới thiệu sản phẩm trên toàn quốc, hệ thống các đại lý phân phối, các hệ thống siêu thị, nhà thuốc, tạp hóa, shop bán hàng... phân phối sản phẩm rộng khắp trên toàn quốc; các hệ thống tour du lịch lữ hành, mở rộng mạng lưới bán lẻ.

Khu vực thị trường trọng điểm: Khánh Hòa, Tp. HCM, Đà Nẵng, Đaklak, Phú Yên, Ninh Thuận...; Các chi nhánh lớn của hệ thống của Tổng Công ty Yến Sào Khánh Hòa trong nước như TP. HCM, Đà Nẵng, Hà Nội tạo đà để Sanna vươn ra những vùng kinh tế trọng điểm trải rộng khắp Việt Nam.



Công ty con, công ty liên kết:

Công ty không có công ty con và công ty liên kết.

Các thành tựu:

Những thành tựu mà Công ty đã đạt được từ khi thành lập đến nay tiêu biểu như:

- Bằng khen: Tập thể Nhà máy NGK Sanna đã có thành tích trong công tác từ năm 2009 - 2011, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ Quốc của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam ngày 31/7/2012.
- Bằng khen: Nhà máy NGK Sanna đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa ngày 3/7/2012.
- Bằng khen: Nhà máy NGK Sanna đã có thành tích xuất sắc trong công tác tham mưu, tổ chức, tham gia đại hội TDTT các cấp của Tỉnh lần thứ VII năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa ngày 24/12/2013.



Những giải thưởng tiêu biểu:

- Thương hiệu mạnh Việt Nam: Thời báo Kinh tế Việt Nam ngày 4/8/2011
- Chứng nhận Danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao 2012 do người tiêu dùng bình chọn
- Top 50 thương hiệu uy tín - Chất lượng vì sức khỏe cộng đồng do Tạp chí Sức khỏe và môi trường bình chọn.
- Nước chanh dây Sanna đạt Top 10 Sản phẩm chất lượng cao 2018
- Top 100 Thương hiệu Tiêu biểu Châu Á - Thái Bình Dương năm 2019.





Các mục tiêu chủ yếu

- » Mục tiêu của Công ty là giữ vững thương hiệu và khách hàng đang có, gia tăng chiếm lĩnh thị phần trong và ngoài nước; Đẩy mạnh công tác Marketing phát triển thêm khách hàng mới.
- » Trong thời gian sắp tới Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu phát triển thêm các dòng sản phẩm mới với định hướng là đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Đồng thời nghiên cứu để đổi mới mẫu mã bao bì, hình thức sản phẩm để từng bước tạo dựng một thương hiệu sản phẩm riêng của Công ty Sanna trong ý thức của người tiêu dùng.

Đối với việc thiết lập và mở rộng các kênh phân phối với các sản phẩm nước uống Sanna, Công ty sẽ chủ động tìm kênh tiêu thụ như thông qua các đại lý bán hàng, kênh nhà hàng khách sạn để đưa sản phẩm tiếp cận người tiêu dùng. Đồng thời, Công ty sẽ tổ chức quảng bá, tham gia các sự kiện để giới thiệu sản phẩm trực tiếp tới người tiêu dùng.

Với các địa bàn kinh doanh khác tỉnh thành, Công ty sẽ tích cực tìm kiếm các nhà phân phối, đại lý để triển khai bán hàng, tập trung bán hàng tại các tỉnh, thành phố lớn, sau đó sẽ lan tỏa dần ra các khu vực xung quanh.

Đối với sự cạnh tranh của các đối thủ cùng kinh doanh sản phẩm nước uống đóng chai trên thị trường: Công ty luôn cam kết và chứng minh sản phẩm đến tay người tiêu dùng được sản xuất và chế biến theo quy trình nghiêm ngặt, đảm bảo chất lượng sản phẩm theo quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Thường xuyên cập nhật thông tin về giá các sản phẩm cạnh tranh cùng loại để đưa ra được chiến lược giá bán hấp dẫn nhà phân phối và các đại lý, người tiêu dùng đối với các sản phẩm của Công ty.

Đối với nhà phân phối, đại lý lớn, Công ty sẽ tổ chức hội nghị khách hàng, có các chính sách khuyến khích khách hàng tiêu thụ sản phẩm của Công ty: như chính sách ưu đãi giá, chính sách hỗ trợ quảng cáo, biển hiệu cho các nhà phân phối tích cực mở rộng kênh bán hàng.



RỦI RO KINH TẾ

Với địa bàn hoạt động trải dài trên khắp cả nước, đặc biệt tập trung ở những thành phố lớn, tốc độ phát triển nhanh, mật độ dân cư và khách du lịch đông nên nhu cầu sử dụng sản phẩm nước giải khát của Sanna cũng sẽ nhiều hơn. Nhìn chung, 2019 là một năm thuận lợi của hầu hết các Doanh nghiệp trong nước, khi tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02% so với năm 2018, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6% - 6,8% (theo số liệu của Tổng cục Thống kê), riêng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) của ngành sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng cũng tăng 10,1% so với cùng kỳ năm 2018. Nhưng theo dự báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, nhiều khả năng tăng trưởng GDP của nước ta trong năm 2020 sẽ chỉ đạt mức 5,96% - 6,25%, thấp hơn so với mục tiêu đề ra là 6,8%. Do đó, Công ty cần chủ động theo dõi những biến động mới nhất của nền kinh tế, từ đó đưa ra hướng đi phù hợp với từng giai đoạn.

RỦI RO LẠM PHÁT

Theo số liệu mới nhất của Tổng cục Thống kê, lạm phát cơ bản bình quân năm 2019 tăng 2,01% so với năm 2018. Nếu so với mức lạm phát mục tiêu được đề ra ở đầu năm là 3,3% - 3,9% thì mức lạm phát của nước ta năm nay thấp hơn so với mục tiêu. Lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, do đó giá nguyên vật liệu đầu vào của Công ty như điện, nước, nhân công, chai nhựa,... không bị biến động quá nhiều, Công ty vẫn đang kiểm soát được chi phí đầu vào để tiếp tục duy trì các chiến lược kinh doanh. Tuy nhiên, với tình hình giá thịt lợn tăng mạnh vào cuối năm 2019, cộng với việc dịch bệnh Covid-19 bùng nổ trên phạm vi toàn cầu, nhiều chuyên gia đã dự báo lạm phát năm 2020 sẽ phức tạp, khó lường hơn. Để phòng ngừa rủi ro lạm phát tăng cao ngoài tầm kiểm soát, Công ty cần phải liên tục cập nhật diễn biến của lạm phát để từ đó đưa ra những điều chỉnh về chi phí cho phù hợp cũng như là thay đổi chiến lược kinh doanh, phát triển sản phẩm.

RỦI RO QUY TRÌNH SẢN XUẤT

Sản phẩm chính của Công ty là nước suối đóng chai có nguồn gốc từ thiên nhiên, Công ty phải chấp hành nghiêm chỉnh nhiều quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc quản lý của Bộ Y tế. Doanh nghiệp phải đảm bảo được những quy định khắt khe về nguồn nước đầu vào như: nguồn nước sử dụng trong sản xuất phải bảo đảm phòng tránh bất kỳ sự ô nhiễm nào hoặc yếu tố ngoại lai ảnh hưởng đến chất lượng nước; các nguồn nước do cơ sở khai thác phải được kiểm tra và bảo đảm phù hợp với quy định về chất lượng. Ngoài ra còn cần phải đảm bảo về thiết bị dụng cụ, tiệt trùng, khử trùng sản phẩm, địa điểm, môi trường, thiết kế xây dựng nhà xưởng, kết cấu nhà xưởng, hệ thống thông gió, chiếu sáng, cung cấp nước, xử lý chất thải, hơi nước và khí nén, nhà vệ sinh, khu vực thay đồ bảo hộ lao động, nguyên liệu và bao bì thực phẩm. Qua đó ta có thể thấy riêng trong ngành sản xuất thực phẩm, để đưa được sản phẩm đến tay người tiêu dùng, Công ty phải trải qua rất nhiều bước và các bước phải đảm bảo đúng theo quy định của Bộ Y tế thì mới có thể đảm bảo được sức khỏe và an toàn của người tiêu dùng. Nhận thấy tầm quan trọng của rủi ro này, Công ty luôn kiểm tra định kỳ nguồn nước, dây chuyền hệ thống sản xuất, không ngừng nâng cao yêu cầu chất lượng của sản phẩm đầu ra để giảm thiểu tối đa rủi ro trong quy trình sản xuất, bởi một khi có rủi ro ở quy trình này xảy ra thì không chỉ sức khỏe của người tiêu dùng bị ảnh hưởng mà đến cả hình ảnh của Công ty sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

RỦI RO CHÍNH SÁCH

Bắt đầu hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ năm 2017, do đó SKN phải chịu sự chi phối của hệ thống Luật và văn bản dưới Luật liên quan như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động, Luật Tài nguyên và Môi trường,... Cụ thể trong năm qua, Chính phủ đã ban hành Nghị định 40/2019/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị

định số 18/2015/NĐ-CP về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. Sau sửa đổi, các Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến môi trường tự nhiên nói chung và Sanna nói riêng sẽ phải thực hiện chặt chẽ, chi tiết hơn trong việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.



RỦI RO CẠNH TRANH

Là Công ty hoạt động trong ngành thực phẩm đồ uống, có rào cản gia nhập ngành thấp nên mức độ cạnh tranh trong ngành là rất cao, đối thủ của Công ty không chỉ là những doanh nghiệp sản xuất nước giải khát trong nước như Tập đoàn Tân Hiệp Phát, Công ty TNHH Lavie,... mà còn đến từ những tập đoàn lớn ở nước ngoài như Công ty TNHH Nước Giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam, Công ty TNHH Coca Cola Việt Nam,... . Theo Tổng cục thống kê, hiện tại ở Việt Nam có khoảng hơn 1.800 cơ sở sản xuất nước giải khát, mức tăng trưởng nội địa luôn duy trì ở con số ấn

tượng là 6 - 7%/năm. Không những vậy, trong những năm gần đây thị phần đồ uống ở Việt Nam còn bị xâu xé nhỏ bởi sự tham gia của những ông lớn từ Đài Loan với sản phẩm mới như là trà sữa. Kể từ khi xuất hiện đến nay, trà sữa đã tạo ra một cơn sốt trong ngành thực phẩm nước giải khát, điều này càng làm cho rủi ro cạnh tranh trong ngành ngày càng khắc nghiệt hơn. Để đối mặt với những rủi ro cạnh tranh, ngoài việc sản xuất nước tinh khiết đóng chai, Sanna còn cho ra những dòng sản phẩm nước giải khát bổ dưỡng từ các loại thảo mộc, trái cây tự nhiên như: sâm, chanh dây, rong biển,...



RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Hiện nay, vấn đề môi trường đã đạt đến đỉnh điểm và luôn là đề tài nóng hổi được bàn luận và quan tâm hàng đầu. Ở các khu vực khác trên thế giới, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu đã có những tác động tiêu cực được thể hiện rõ nhất qua sự kiện cháy rừng ở Australia, đây thực sự là một hồi chuông cảnh tỉnh cho toàn thế giới về vấn đề ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu. Riêng ở Việt Nam trong năm 2019, người dân trong nước luôn phải đón nhận những tin buồn từ việc ô nhiễm không khí cho đến ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt. Đối với một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nước giải khát có nguyên liệu đầu vào chủ yếu là nguồn nước từ thiên nhiên thì đây thực sự là một rủi ro quan trọng của không chỉ riêng SKN mà của cả toàn ngành sản xuất đồ uống. Để đối mặt với rủi ro này, Công ty luôn chủ động trong việc kiểm tra chất lượng nguồn nước từ thiên nhiên, kiểm tra định kỳ ít nhất 12 lần/năm, đảm bảo nguồn nước đầu vào cho sản xuất phải đạt chuẩn các chỉ tiêu của Bộ Y tế và của riêng Công ty.

RỦI RO KHÁC

Ngoài những rủi ro đã đề cập ở trên, còn nhiều rủi ro mang tính bất khả kháng khác ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như hỏa hoạn, bệnh dịch,... Đây là những rủi ro hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của Công ty. Công ty luôn chủ động đề phòng và xây dựng các giải pháp ứng phó như: tuyên truyền nâng cao hiểu biết về bệnh dịch và mở các lớp huấn luyện phòng cháy chữa cháy cho cán bộ, công nhân viên cũng như người dân,... nhằm nâng cao ý thức, giảm thiểu thiệt hại về người và của.



CHƯƠNG 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình tài chính

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng



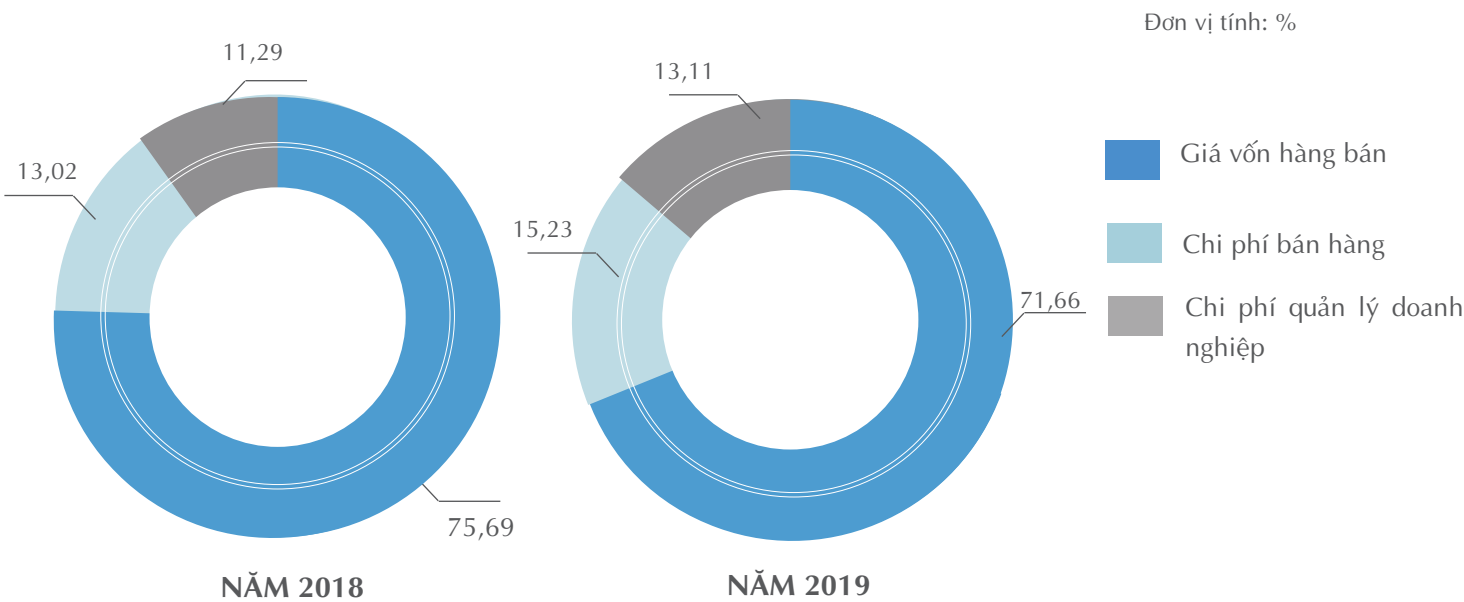
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Giá vốn hàng bán	113.178	75,69%	92.550	71,66%	-18,23%
Chi phí bán hàng	19.471	13,02%	19.673	15,23%	1,04%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.877	11,29%	16.927	13,11%	0,30%
Tổng	149.526	100,00%	129.150	100,00%	-13,63%

Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Nước giải khát Sanna Khánh Hòa năm 2019

Sơ đồ cơ cấu chi phí



Tổng chi phí của Công ty trong năm 2019 đạt hơn 129 tỷ đồng, giảm 13,63% so với cùng kỳ. Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí là giá vốn hàng bán khi chiếm hơn 71%, đạt 92,5 tỷ đồng, nhưng so với cùng kỳ thì khoản này đã giảm đi 18,23%, nguyên nhân do các loại chi phí đầu vào của Sanna như điện, nước, nhân công, chai nhựa, bao bì,... đều không có nhiều biến động, nhưng do tổng doanh thu trong năm bị giảm xấp xỉ 6% đã kéo theo giá vốn hàng bán bị giảm xuống tương ứng. Chi phí bán hàng của Công ty năm 2019 tăng nhẹ 1,04% so với cùng kỳ, chi phí quản lý doanh nghiệp hầu như được giữ nguyên, không có nhiều thay đổi. Đặc biệt, 100% nguồn vốn của Công ty hiện nay là đến từ nguồn lực nội tại, Doanh nghiệp không phát sinh thêm bất cứ một khoản vay tài chính nào trong năm qua.

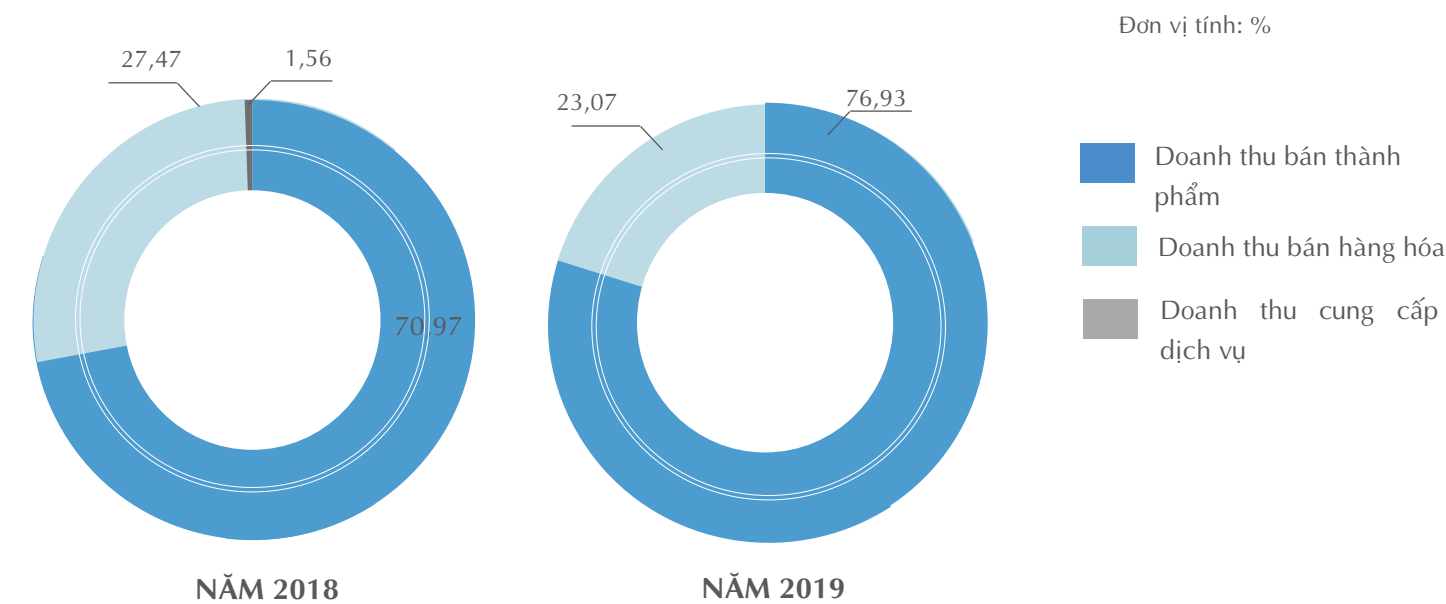
CƠ CẤU DOANH THU

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Doanh thu thuần bán thành phẩm	109.288	70,97%	103.022	76,93%	-5,73%
Doanh thu thuần bán hàng hóa	42.310	27,47%	30.894	23,07%	-26,98%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.400	1,56%	-	-	-
Tổng	153.999	100%	133.916	100%	-13,04%

Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Nước giải khát Sanna Khánh Hòa năm 2019

Sơ đồ cơ cấu doanh thu



Trong năm 2019, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thu từ hoạt động bán thành phẩm, với sản phẩm chính là nước suối đóng chai vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu khi đạt đến hơn 103 tỷ đồng, chiếm gần 77%, nhưng so với cùng kỳ thì khoản này đã giảm đi 5,73%, nguyên nhân là do sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trong ngành nước uống đóng chai khi bên cạnh các nhãn hàng phổ biến như Aquafina, Lavie, Vĩnh Hảo, Dasani, Satori,... thì ngày càng có

nhiều thương hiệu mới từ nước ngoài bắt đầu tham gia vào thị trường Việt Nam như Volvic, Evian, ... làm thu hẹp thị phần của nước suối Sanna. Tương tự như doanh thu bán thành phẩm, nguồn thu từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của Sanna trong năm 2019 cũng giảm mạnh, kéo theo tổng doanh thu của Công ty chỉ đạt xấp xỉ 134 tỷ đồng, giảm hơn 13% so với cùng kỳ.

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tính tại 9/4/2019

Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Bà Lê Thị Hồng Vân	Chủ tịch	850.000	17,00%
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	850.000	17,00%
Bà Nguyễn Hạ Hiền	Thành viên	850.000	17,00%
Ông Nguyễn Ngọc Huy	Thành viên	350.000	7,00%
Ông Đào Minh Tú	Thành viên	350.000	7,00%

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính tại 9/4/2019

Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Ông Nguyễn Thanh Hải	Giám đốc	850.000	17,00%
Ông Nguyễn Văn Lành	Phó Giám đốc	5.400	0,108%
Bà Nguyễn Lê Thùy Linh	Phó Giám đốc	5.100	0,102%
Bà Nguyễn Thị Hạnh Quyền	Kế toán trưởng	8.000	0,16%

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

Tính tại 9/4/2019

Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyền	Trưởng ban	-	-
Ông Bùi Hoàng Vũ	Thành viên	-	-
Bà Đinh Thị Thúy Phượng	Thành viên	2.900	0,058

Ông Nguyễn Thanh Hải
Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Ngày sinh	28/01/1979
Nơi sinh	Bình Định
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Phong Châu, Nha Trang, Khánh Hòa
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ kỹ thuật hóa học

Quá trình công tác

2002 - 2007	Tổ trưởng tổ nấu phối chế tại Nhà máy NGK CC Yến Sào thuộc Công ty Yến sào Khánh Hòa
2007 - 2017	Giám đốc Công ty TNHH MTV NGK Sanna Khánh Hòa thuộc Công ty TNHH NN MTV Yến sào Khánh Hòa
2016 - Nay	Giám đốc Nhà máy TPCC Sanest Foods trực thuộc Công ty TNHH NN MTV Khánh Hòa
2014 - Nay	Giám đốc Trung tâm Yến sào Ninh Thuận thuộc Công ty TNHH NN MTV Yến sào Khánh Hòa
2017 - Nay	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc CTCP NGK Sanna Khánh Hòa

Chức vụ hiện nay tại Công ty Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc CTCP NGK Sanna Khánh Hòa.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Giám đốc nhà máy TPCC Sanest Foods trực thuộc Công ty TNHH MTV Yến Sào Khánh Hòa; Giám đốc Trung tâm Yến sào Ninh Thuận thuộc Công ty TNHH MTV Yến Sào Khánh Hòa.

Số cổ phần nắm giữ (31/12/2019)	858.560 cổ phần, chiếm 17,17% vốn điều lệ
Đại diện	850.000 cổ phần, chiếm 17% vốn điều lệ
Cá nhân	8.560 cổ phần, chiếm 0,17% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



Ông Nguyễn Văn Lành
Phó Giám đốc

Ngày sinh	27/8/1972
Nơi sinh	Nha Trang, Khánh Hòa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	11C/4 Nguyễn Thiện Thuật, Nha Trang, Khánh Hòa
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân văn hóa

Quá trình công tác

1996 - 2005	Trưởng phòng Kinh doanh CTCP Dịch vụ Văn hóa và Quảng cáo Khánh Hòa
2005 - 2012	Phó Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Văn hóa và và Quảng cáo Khánh Hòa
2012 - 2017	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV NGK Sanna Khánh Hòa
2017 - Nay	Phó Giám đốc Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa

Chức vụ hiện nay tại Công ty Phó Giám đốc Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Không có.

Số cổ phần nắm giữ (31/12/2019)	5.400 cổ phần, chiếm 0,108% vốn điều lệ
Đại diện	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân	5.400 cổ phần, chiếm 0,108% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan Không có

Bà Nguyễn Lê Thùy Linh
Phó Giám đốc

Ngày sinh	9/8/1981
Nơi sinh	Nha Trang, Khánh Hòa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	85 Hùng Vương, Lộc Thọ, Nha Trang, Khánh Hòa
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư công nghệ thực phẩm

Quá trình công tác

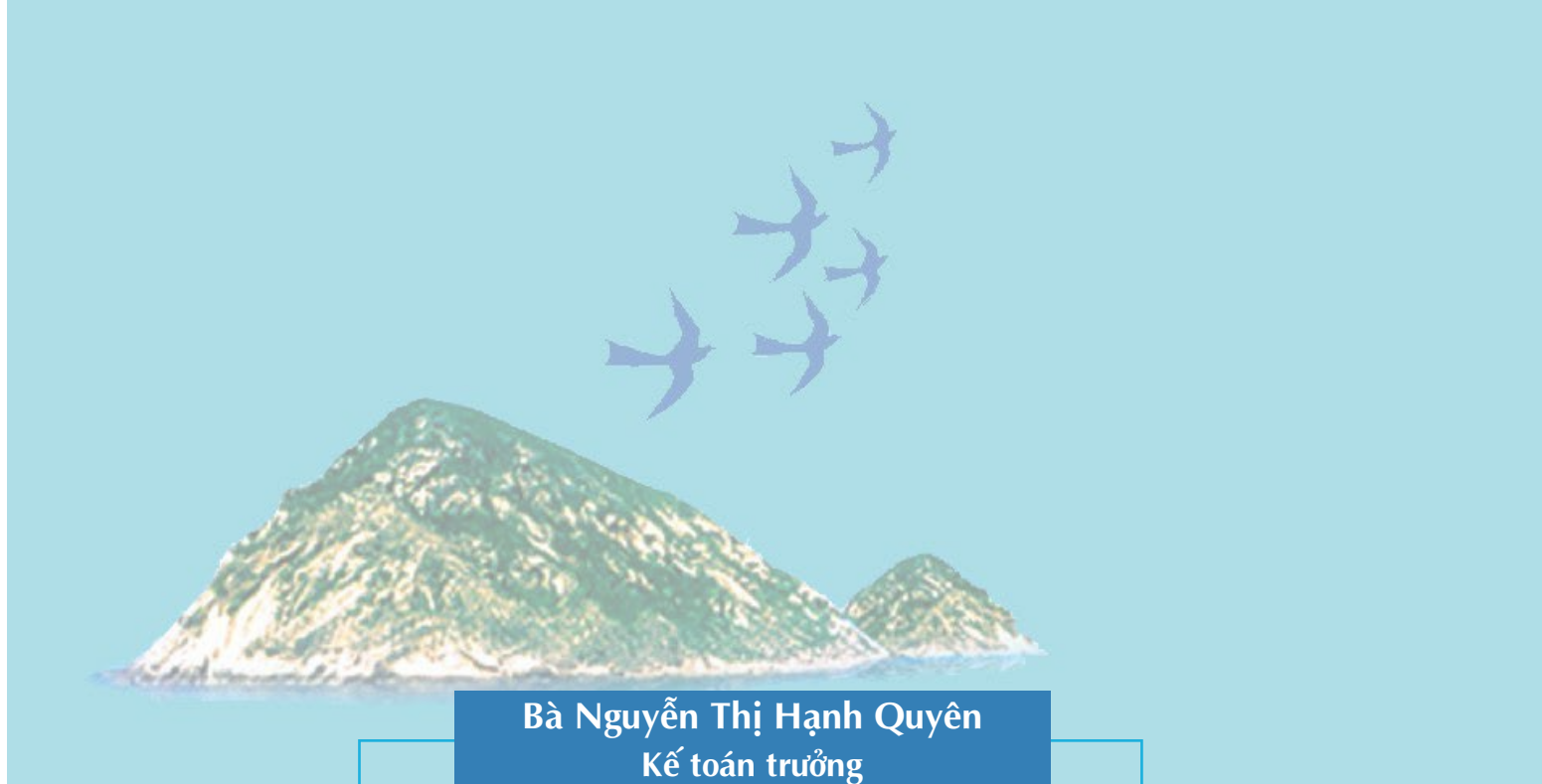
2004 - 2007	Nhân viên kỹ thuật Tổ nấu phối chế Nhà máy NGKCC Yến sào
2007 - 2011	Nhân viên KCS Bộ phận Kiểm toán chất lượng Nhà máy NGKCC Yến sào
2011 - 2013	Phó bộ phận kiểm soát chất lượng Nhà máy NGKCC Yến sào
2013 - 2017	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV NGK Sanna Khánh Hòa
2017 - Nay	Phó Giám đốc Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa

Chức vụ hiện nay tại Công ty Phó Giám đốc Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Không có.

Số cổ phần nắm giữ (31/12/2019)	5.100 cổ phần, chiếm 0,102% vốn điều lệ
Đại diện	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân	5.100 cổ phần, chiếm 0,102% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan Không có



Bà Nguyễn Thị Hạnh Quyên
Kế toán trưởng

Ngày sinh	2/3/1984
Nơi sinh	Nha Trang, Khánh Hòa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	21/9 Lương Đắc Bằng, Phường Vĩnh Hòa, Nha Trang, Khánh Hòa
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán

Quá trình công tác

2007 -2010	Kế toán viên CTCP Khai thác thủy điện Sông Giang
2010 -2011	Kế toán trưởng Chi nhánh CTCP Việt Khánh - Trường Cao đẳng Nghề Quốc tế Nam Việt
2011 -2017	Nhân viên Ban quản lý dự án Công ty TNHH NN MTV Yến sào Khánh Hòa
07/2017 - 11/2017	Phó Bộ phận Kế toán Công ty TNHH MTV NGK Sanna Khánh Hòa
11/2017 - Nay	Kế toán trưởng Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa

Chức vụ hiện nay tại Công ty Kế toán trưởng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

Không có.

Số cổ phần nắm giữ (31/12/2019)

Đại diện	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân	8.000 cổ phần, chiếm 0,16% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan

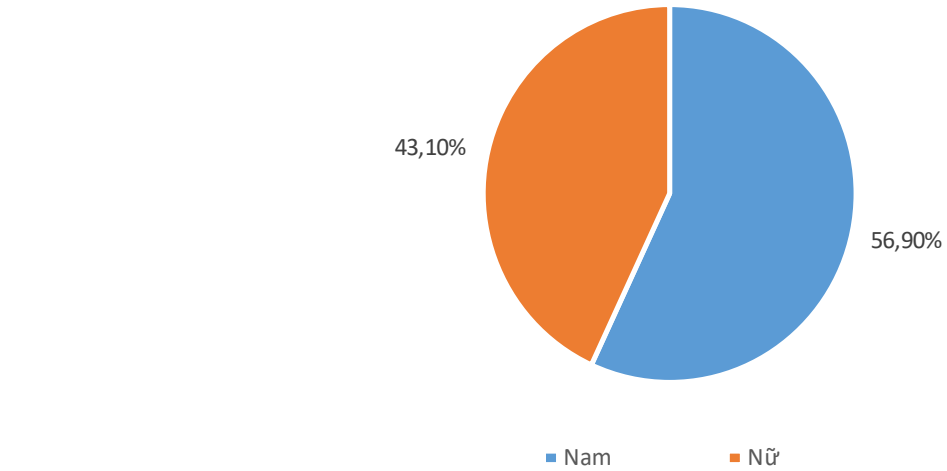
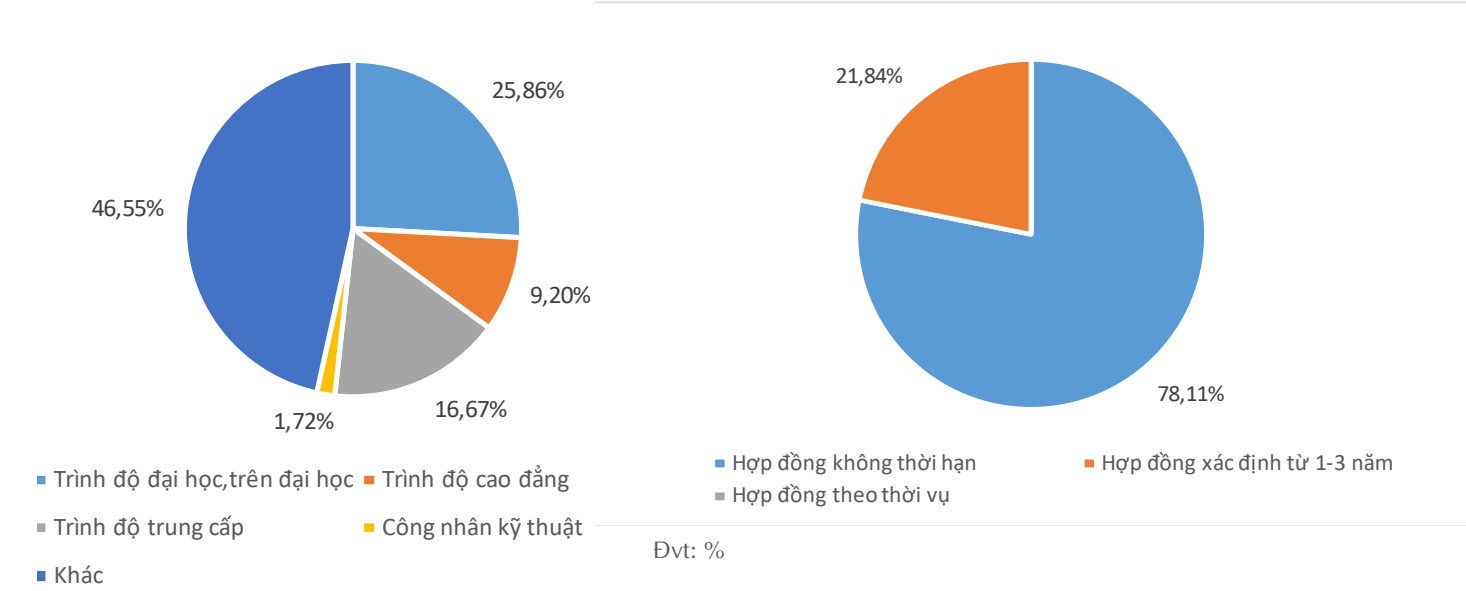
Không có



SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ lao động/	174	100,00%
1	Trình độ đại học, trên đại học	45	25,86%
2	Trình độ cao đẳng	16	9,2%
3	Trình độ trung cấp	29	16,67%
4	Công nhân kỹ thuật	03	1,72%
5	Khác	81	46,55%
B	Theo loại hợp đồng lao động	174	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	136	78,11%
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	38	21,84%
3	Hợp đồng theo thời vụ	-	-
C	Theo giới tính	174	100,00%
1	Nam	99	56,9
2	Nữ	75	43,1

Theo trình độ lao động



THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tổng số lượng người lao động (người)	211	194	185
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	11.627.000	12.104.000	13.480.023

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương: Lương theo thời gian; Mức lương cơ bản và phụ cấp trách nhiệm; thưởng hiệu quả; lương làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm; lương trong thời gian nghỉ chế độ thai sản; lương trong thời gian công tác, học tập, tham gia các hoạt động phong trào; lương ngừng việc; lương tai nạn lao động theo quy định của

pháp luật; lương của người lao động trong thời gian ốm đau hưởng BHXH.

Chế độ phụ cấp, trợ cấp, hỗ trợ: Phụ cấp kiêm nhiệm, ăn ca, điện thoại, xăng xe, tăng ca, làm việc trong môi trường đặc thù.

Các khoản phúc lợi khác: hằng năm, người lao động được tổ chức đi tham quan, thắng cảnh, nghỉ mát theo quyết định tại từng thời điểm của Ban lãnh đạo Công ty.

Về đào tạo người lao động

Hiểu được việc coi trọng và phát triển nguồn nhân lực có chất lượng là điều kiện tiên quyết để Công ty có thể tồn tại cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh. Với mục tiêu nâng cao chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ của nguồn nhân lực, Công ty đã xây dựng Quy trình đào tạo nhằm đảm bảo thực hiện việc đào tạo một cách khoa học, hệ thống và mang lại hiệu quả cao. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực còn nhằm mục đích: Xây dựng, giữ gìn và quảng bá hình ảnh, thương hiệu của Công ty thông qua đó thu hút nhân tài vào làm việc góp phần cùng Công ty phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh và đóng góp cho xã hội.

Việc đào tạo, huấn luyện các kỹ năng làm việc được Công ty tổ chức thường xuyên, chương trình đào tạo chủ yếu tập trung vào đào tạo nội quy, quy chế, quy trình, sản phẩm mới và kỹ năng bán hàng... cho cán bộ công nhân viên của Công ty. Ban huấn luyện gồm những nhân viên có chức năng, nhiệm vụ được giao, có kinh nghiệm chuyên môn cao, có khả năng truyền đạt và giảng dạy để phổ biến về sản phẩm, những kinh nghiệm cũng như những kiến thức thực tế cho nhân viên.



Về tuyển dụng

Công Ty CP NGK Sanna Khánh Hòa hoạt động sản xuất kinh doanh là sản xuất nước khoáng thiên nhiên thương hiệu Sanna, thực hiện tuyển dụng dựa trên kế hoạch phát triển của công ty:

- Ban Giám đốc báo cáo HĐQT về việc phê duyệt tuyển dụng nhân sự bổ sung.
- Phòng tổng hợp tiến hành tìm nguồn nhân lực theo chỉ đạo của HĐQT.
- Ban Giám đốc chỉ định thành phần Hội đồng xét tuyển thực hiện công tác phỏng vấn ứng viên, gửi hồ sơ và thông tin của từng ứng viên cho Ban Giám đốc lựa chọn và quyết định người trúng tuyển.
- Người trúng tuyển sẽ được đào tạo theo quy định và bố trí thử việc tại Công ty, chức danh và vị trí làm việc do Giám đốc quyết định.
- Sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được đào tạo và phân công nhiệm vụ cụ thể theo các yêu cầu công việc cần thiết.
- Sau thử việc, người hướng dẫn hoặc Phụ trách phòng liên quan nhận xét kết quả theo quy trình gia hạn hợp đồng lao động, chuyển về phòng Tổng hợp Công ty tiến hành đánh giá xem xét tuyển dụng chính thức.

Về môi trường làm việc

- Văn hóa thương hiệu Yến sào Khánh Hòa thể hiện trong giao tiếp, ứng xử, đạo đức lối sống, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật... Bên cạnh đó, các nội quy, quy chế được xây dựng đã tạo nên môi trường làm việc văn hóa, giải quyết công việc thống nhất, khoa học nhằm đem lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất - kinh doanh và đời sống văn hóa tinh thần cho cán bộ công nhân viên lao động. Các giá trị văn hóa được gây dựng nên trong suốt quá trình tồn tại và phát triển, trở thành các giá trị, các quan niệm, tập quán, truyền thống ăn sâu vào hoạt động của Công ty và chi phối tinh cảm, nếp suy nghĩ, hành vi của mọi thành viên của Yến sào Khánh Hòa mang đậm tính nhân văn và đồng hành cùng với sự phát triển của đời sống xã hội.
- Công ty luôn ý thức con người là tài sản quý giá nhất của mình và tạo điều kiện thuận lợi cho CBCNV làm việc trong môi trường thoải mái, được học tập nâng cao trình độ, nhận thức chính trị, xã hội, được quan tâm đến thu nhập và các chế độ bảo hiểm đầy đủ. Người lao động được khuyến khích sáng tạo và có chế độ ưu đãi, tạo niềm tin và sự gắn bó lâu dài cùng Công ty.

Các khoản phải thu

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	% tăng giảm
A	Các khoản phải thu ngắn hạn	20.338	21.371	5,08%
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	13.089	5.928	-54,71%
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	36	-
3	Phải thu ngắn hạn khác	7.249	15.407	112,53%
B	Các khoản phải thu dài hạn	-	86	-
1	Phải thu dài hạn khác	-	86	-

Phần lớn các khoản phải thu của Sanna là ngắn hạn, khi khoản này đạt đến hơn 21 tỷ đồng, chiếm hơn 99% cơ cấu khoản phải thu của Công ty trong năm 2019. So với cùng kỳ năm 2018, khoản phải thu ngắn hạn của Công ty đã tăng thêm 5,08%, phần lớn là đến từ khoản phải thu ngắn hạn khác khi quý khen thưởng phúc lợi của Doanh nghiệp trong năm đã tăng từ hơn 7,1 tỷ đồng lên hơn 15,3 tỷ đồng. Ngược lại, khoản phải thu của khách hàng trong năm 2019 chỉ đạt hơn 5,9 tỷ đồng, giảm hơn 54% so với cùng kỳ, mức giảm của khoản phải thu khách hàng là nhanh hơn rất nhiều so với mức giảm 13% của doanh thu thuần, cho thấy khả năng thu hồi tiền, tính thanh khoản của Công ty đã được cải thiện rõ rệt.

Các khoản phải trả

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	% tăng giảm
A	Nợ ngắn hạn	15.419	12.419	-19,46%
1	Phải trả người bán ngắn hạn	10.885	7.265	-33,26%
2	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	387	432	11,72%
3	Phải trả người lao động	1.220	1.212	-0,66%
4	Chi phí phải trả ngắn hạn	429	732	70,66%
5	Phải trả ngắn hạn khác	2.468	2.746	11,28%
6	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	30	33	7,56%
7	Nợ dài hạn	-	-	-

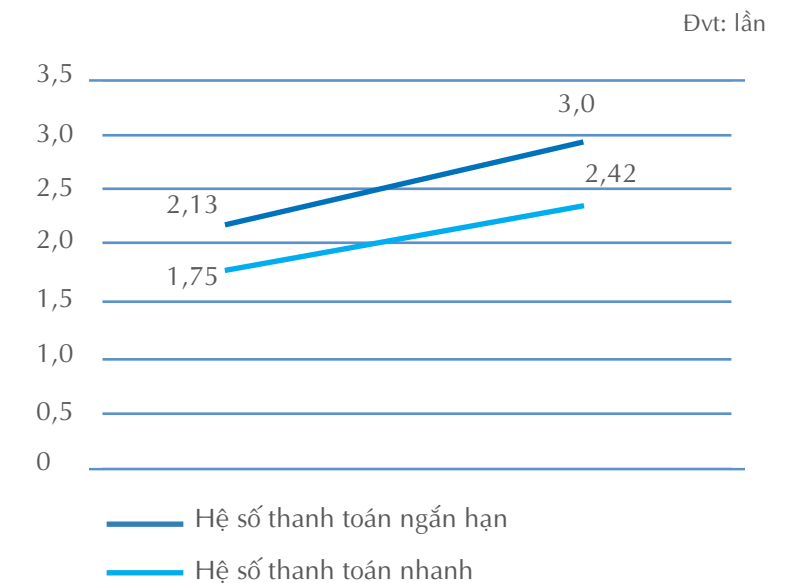
Kết thúc năm 2019, khoản phải trả ngắn hạn của Công ty đã giảm đến 19,46% so với cùng kỳ, do trong năm Công ty đẩy mạnh thanh toán các khoản tiền cho nguyên vật liệu đầu vào như chai nhựa, bao bì nhựa, bao bì carton, hộp giấy,... với Công ty TNHH Bao bì nhựa Vĩnh An, Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Minh Thông Khánh Hòa và Công ty Cổ phần Đông Á,... góp phần làm giảm khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp xuống hơn 33%. Tính đến thời điểm cuối năm 2019, Công ty không phát sinh thêm bất cứ khoản nợ dài hạn nào.

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019
Nhóm chỉ số Thanh khoản			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,13	3,00
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,75	2,42
Nhóm chỉ số về cơ cấu vốn			
Tỷ số Nợ/Tổng tài sản	%	23,33%	19,49%
Tỷ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	30,42%	24,21%
Nhóm chỉ số năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	14,59	14,65
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,38	2,06
Nhóm chỉ số về khả năng sinh lời			
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,31%	2,89%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	7,04%	7,59%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	5,51%	5,96%
Tỷ suất Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,91%	3,57%

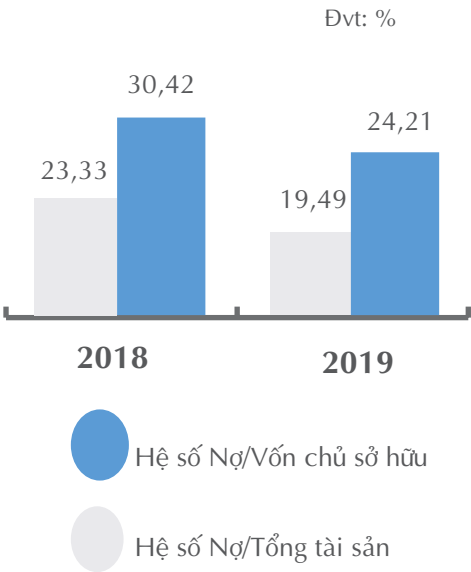
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán trong năm 2019 đều tăng mạnh so với cùng kỳ. Hệ số về khả năng thanh toán ngắn hạn tăng từ 2,13 lần lên đến 3 lần, hệ số về khả năng thanh toán nhanh tăng từ 1,75 lần lên 2,42 lần. Nguyên nhân chính giúp Công ty cải thiện được khả năng thanh toán là do khoản tiền và các khoản tương đương tiền tại Ngân hàng của Doanh nghiệp tăng lên, cộng với việc Doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất thành phẩm nhằm đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng vào dịp lễ tết, dẫn đến giá trị hàng tồn kho thành phẩm tăng cao, làm tăng tài sản ngắn hạn của Công ty.



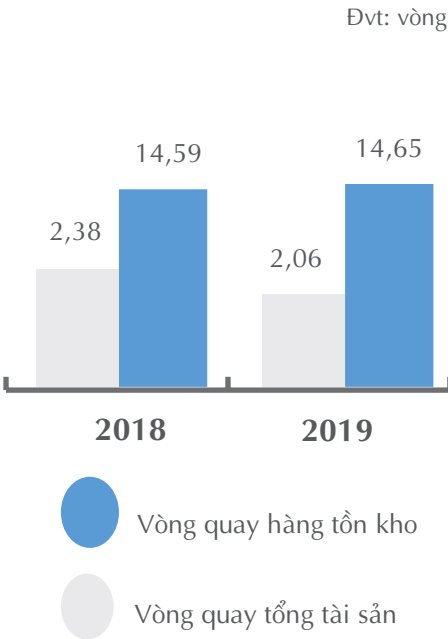
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Trong năm 2019, cả 2 hệ số về cơ cấu vốn của Doanh nghiệp đều giảm mạnh, hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm từ 23,3% xuống còn 19,5%, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm từ hơn 30,4% xuống còn 24,2%. Trong năm, Công ty đẩy mạnh thanh toán tiền nguyên vật liệu cho những nhà cung cấp, dẫn đến khoản phải trả cho người bán ở thời điểm cuối năm giảm mạnh, tạo động lực cho nợ ngắn hạn của Doanh nghiệp giảm xuống tương ứng. Nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là từ nợ ngắn hạn và vốn chủ sở hữu, đặc biệt Công ty không sử dụng đòn bẩy tài chính, do đó các chỉ số an toàn tài chính của Sanna đều được đảm bảo ở mức tốt.

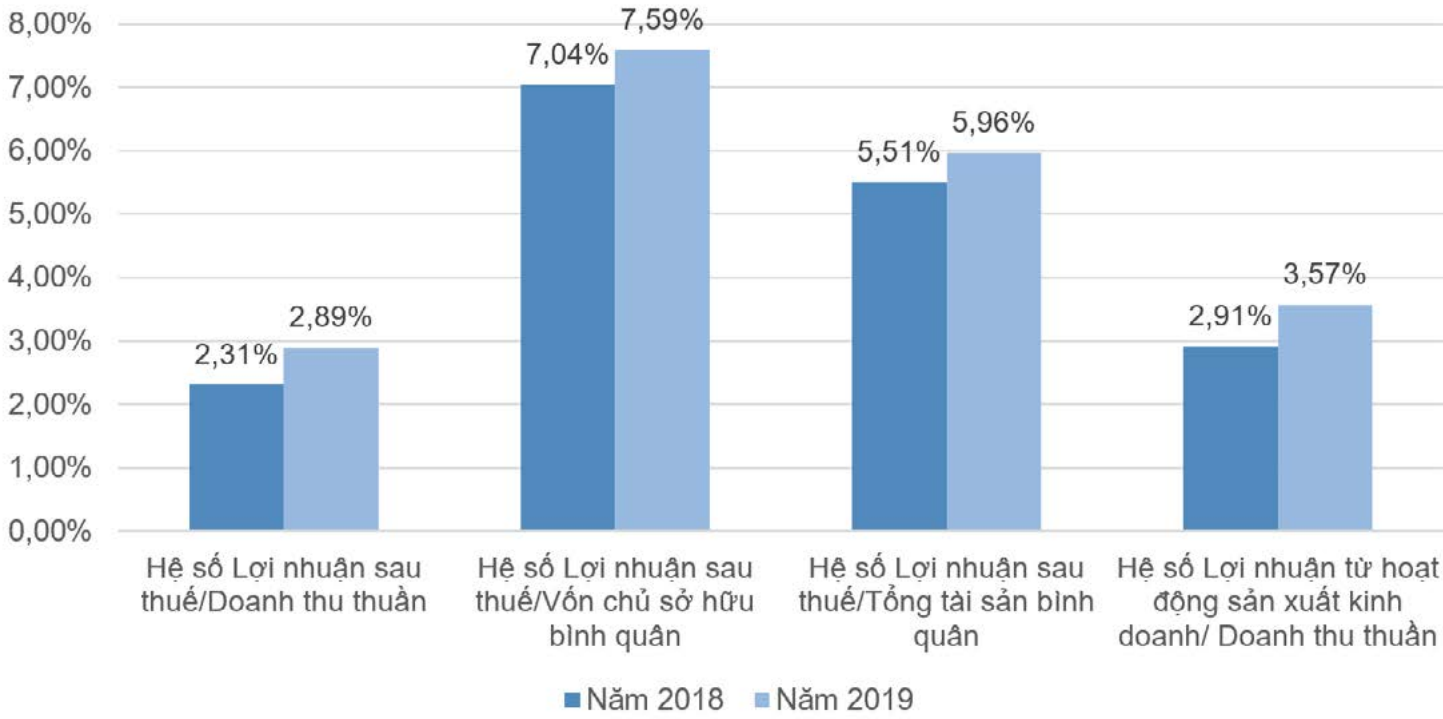


Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Năm 2019, số vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản của Công ty không có nhiều thay đổi. Vòng quay hàng tồn kho tăng nhẹ từ 14,59 vòng lên đến 14,65 vòng. Tuy hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai, nhưng nhờ hệ thống khách hàng rộng lớn, đặc biệt là các Công ty thành viên trong cùng hệ thống với Công ty mẹ, nên hệ số vòng quay hàng tồn kho của Sanna khá cao, số ngày lưu kho thành phẩm của Công ty chỉ là 25 ngày. Ngược lại, vòng quay tổng tài sản trong năm lại giảm từ 2,38 vòng xuống còn 2,06 vòng, nguyên nhân do doanh thu trong năm của Công ty bị giảm hơn 13%.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2019 có sự cải thiện rõ rệt ở tất cả các hệ số, nguyên nhân chính là do mức tăng hơn 8% của lợi nhuận sau thuế cộng với việc các chỉ tiêu về doanh thu thuần và tổng tài sản đều bị giảm so với cùng kỳ. Mặc dù, Doanh thu thuần của Sanna ghi nhận mức giảm đến hơn 13%, nhưng nhờ có chính sách đúng đắn, mối quan hệ tốt với các nhà cung cấp, Công ty đã tối ưu hóa được các chi phí nguyên vật liệu đầu vào, làm giá vốn hàng bán của Doanh nghiệp giảm hơn 18%, góp phần cải thiện biên lợi nhuận hoạt động của Doanh nghiệp so với cùng kỳ.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

STT	Chức vụ	Số lượng	Giá tiền (đồng)
1	Máy phóng màn co thân và nắp tự động TB-250-2	1	1.022.560.000
2	Xe ô tô Hyundai New Porter H150	1	373.965.181
3	Thiết bị xe nâng Mitsubishi FD25	1	295.000.000
Tổng cộng		3	1.691.525.181



TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG & THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 5.000.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 5.000.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	5.000.000	50.000.000.000	100,00%
1	Cổ đông nhà nước	2.550.000	25.500.000.000	51,00%
2	Cổ đông tổ chức	1.050.000	10.500.000.000	21,00%
3	Cổ đông cá nhân	1.400.000	14.000.000.000	28,00%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	0,00%
1	Cá nhân	-	-	0,00%
2	Tổ chức	-	-	0,00%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	0,00%
Tổng cộng		5.000.000	50.000.000.000	100,00%





TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG & CỘNG ĐỒNG

Công ty luôn thể hiện trách nhiệm cao đối với môi trường và cộng đồng, thông qua việc sản xuất an toàn, bảo vệ môi trường, cung cấp sản phẩm chất lượng và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho cộng đồng. Phối hợp với địa phương trong các công tác xã hội và hoạt động liên quan đến môi trường.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Dự kiến chi phí vật tư năm 2020 chỉ tăng ... so với năm 2019 và tăng ... so với năm 2018. Các vật tư của công ty bị lỗi như chai, nắp sẽ được trả lại cho nhà cung cấp để tái chế mới, các nguyên vật liệu khác được tiết kiệm và tìm nhà cung cấp có giá cả phải chăng nhằm tiết kiệm chi phí đầu vào.

Chỉ tiêu	TH2018	TH2019	KH2020
Chi phí vật tư (đồng)	69.521.084.435	60.018.619.824	61.665.827
Sản lượng tiêu thụ (sản phẩm)	55.129.116	47.310.756	48.609.197

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty thực hiện tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường một cách nghiêm túc. Qua các năm hoạt động, công ty vẫn luôn nêu cao tinh thần tập thể bảo vệ môi trường qua các chương trình trồng cây xanh phủ xanh đảo yến v.v. . Hệ thống xử lý nước thải luôn nằm trong những bộ phận được ưu tiên hàng đầu để kiểm tra, phát hiện lỗi nhỏ nhất kịp thời và đúng lúc để khắc phục khi có sự cố xảy ra.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Tham gia tích cực các công tác từ thiện cho trẻ em nghèo vùng sâu vùng xa; đỡ đầu 02 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại xã Cam Thịnh Đông, Cam Ranh, Khánh Hòa. Tổ chức cho CB CNLĐ tham gia đạt kết quả tốt các phong trào VHVN - TDTT do Công Đoàn và Đoàn TNCS HCM Công ty triển khai phát động.



Công tác từ thiện của SKN trong năm 2019

Chính sách liên quan người lao động

Công ty luôn hướng đến sự phát triển chung nhất của các cán bộ, công nhân viên lao động. Cụ thể công ty thường cử đi tham gia những lớp tập huấn về nghiệp vụ nhằm nâng cao nghiệp vụ của CBCNV công ty, nhằm phát triển đội ngũ ngày một giỏi hơn, đáp ứng được yêu cầu của công việc. Trong năm 2019, Công ty đã cử CB CNLĐ tham gia các khóa học sau:

STT	Tên khóa học	Số lượng tham gia
1	Hội nghị tập huấn Giới thiệu về Tiêu chuẩn Quốc tế ISO 22000:2018	6
2	Khóa huấn luyện và đào tạo "Giải pháp tăng doanh thu bằng Nghệ thuật bán hàng, Quản lý khách hàng, Chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp và hiệu quả"	3
3	Khóa tập huấn "Kỹ năng Phát triển Năng lực quản lý cấp trung Chuyên nghiệp - MMM"	1
4	Pháp luật lao động chuyên sâu và thực chiến tình huống	3
5	Xây dựng hệ thống trả lương trong Doanh nghiệp theo phương pháp 3P	4
6	Khoá Tập Huấn "Tăng năng suất bằng giải pháp Quản lý Sản xuất Hiện đại cho Doanh nghiệp"	3
7	Khóa tập huấn: Phân tích rủi ro về Kế toán - Tài chính; Quản lý và kiểm soát chi phí; cách ngăn ngừa và xử lý nâng cao năng lực quản lý tài chính Doanh nghiệp"	1
8	Khoá Tập Huấn "Đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, Kiểm soát rủi ro và Cải thiện điều kiện lao động tại nơi làm việc cho DN theo phương pháp WISE"	2
9	Khóa tập huấn: Hướng dẫn xử lý sai phạm về hóa đơn (HĐ giấy, HĐ điện tử), thuế GTGT, TNDN, TNCN trước khi chốt số liệu và quyết toán thuế năm 2019	1
10	Chương trình đào tạo tương tác cao: "Trí tuệ cảm xúc và Sức mạnh năng lượng - Giải pháp giúp Nhà Quản lý, Lãnh đạo,... giảm Stress, làm việc Năng suất, Hiệu quả và Sáng tạo"	2
11	Khóa huấn luyện và đào tạo "Giải pháp tăng doanh thu bằng Nghệ thuật bán hàng, Quản lý quan hệ khách hàng, Chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp và hiệu quả"	3
12	Khóa tập huấn: "Hiệu quả của việc áp dụng Hóa đơn điện tử, giải đáp các vướng mắc bất cập và các khoản dự phòng, Rà soát hồ sơ khai thuế - Tối ưu hóa chi phí, xử lý khác biệt giữa kế toán và thuế khi quyết toán thuế TNDN năm 2019"	5

Công ty luôn chú trọng đến công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CB CNLĐ: Các chế độ về Hợp đồng lao động, tiền lương, phụ cấp luôn được quan tâm thực hiện kịp thời, đúng hạn; 100% CB CNLĐ được ký hợp đồng lao động chính thức sau thời gian thử việc. Hằng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% CB CNLĐ. Tổ chức tốt công tác tương thân, tương ái giúp đỡ lẫn nhau khi đau ốm, hoạn nạn.



CHƯƠNG 3: BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về sản xuất, kinh doanh

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	% 2019/2018
Sản lượng	54.193.925	47.511.897	-12,33%
Doanh thu thuần	153.999	133.916	-13,04%
Giá vốn hàng bán	113.178	92.550	-18,23%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.487	4.783	6,60%
Lợi nhuận sau thuế	3.562	3.872	8,68%

Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Nước giải khát Sanna năm 2019

Tổng doanh thu trong năm 2019 của Sanna chỉ đạt mức xấp xỉ 134 tỷ đồng, giảm hơn 13% so với cùng kỳ, nguyên nhân do sự xuất hiện ngày càng nhiều các sản phẩm nước suối đóng chai, nước giải khát từ các nhãn hiệu cả trong và ngoài nước, làm thu hẹp thị phần của Công ty. Nhưng nhờ vào các chính sách hợp tác đúng đắn từ phía Ban lãnh đạo, Công ty đã tối ưu được chi phí nguyên vật liệu đầu vào, làm giá vốn hàng bán giảm đến hơn 18% so với cùng kỳ góp phần làm cho lợi nhuận hoạt động kinh doanh và lợi nhuận sau thuế của Doanh nghiệp đều có mức tăng trưởng khá tốt, đặc biệt là lợi nhuận sau thuế của Công ty đã tăng đến 8,68%, đạt giá trị hơn 3,8 tỷ đồng.



Thuận lợi

Luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy, Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc Công ty Yến sào Khánh Hòa, sự hỗ trợ nghiệp vụ của các phòng ban chuyên môn.

Các đồng chí lãnh đạo luôn động viên đội ngũ cán bộ quản lý điều hành, tạo điều kiện và hỗ trợ toàn diện, đặc biệt luôn có những chỉ đạo kịp thời giúp Ban Lãnh đạo Công ty tháo gỡ những vướng mắc khó khăn trong công tác quản lý và điều hành.

Sản phẩm nước giải khát của Sanna đã có được niềm tin từ người tiêu dùng trong nước, với hơn 1.000 Nhà phân phối và đại lý tại 63 tỉnh thành.

Nguồn cung đầu vào ổn định nhờ vào nguồn nước ngầm tại trung tâm Vườn dừa Cam Thịnh Đông, phía Nam thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Tập thể cán bộ, công nhân viên có chuyên môn cao, luôn đoàn kết, thống nhất, tìm tòi những giải pháp mới để hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.



Khó khăn

Hoạt động trong một ngành có rào cản gia nhập thấp, Công ty luôn phải đối mặt với rủi ro cạnh tranh từ các đối thủ cả trong và ngoài nước.

Bên cạnh đó, các sản phẩm thay thế cũng là một trong những nguyên nhân khiến thị phần của Sanna bị thu hẹp.

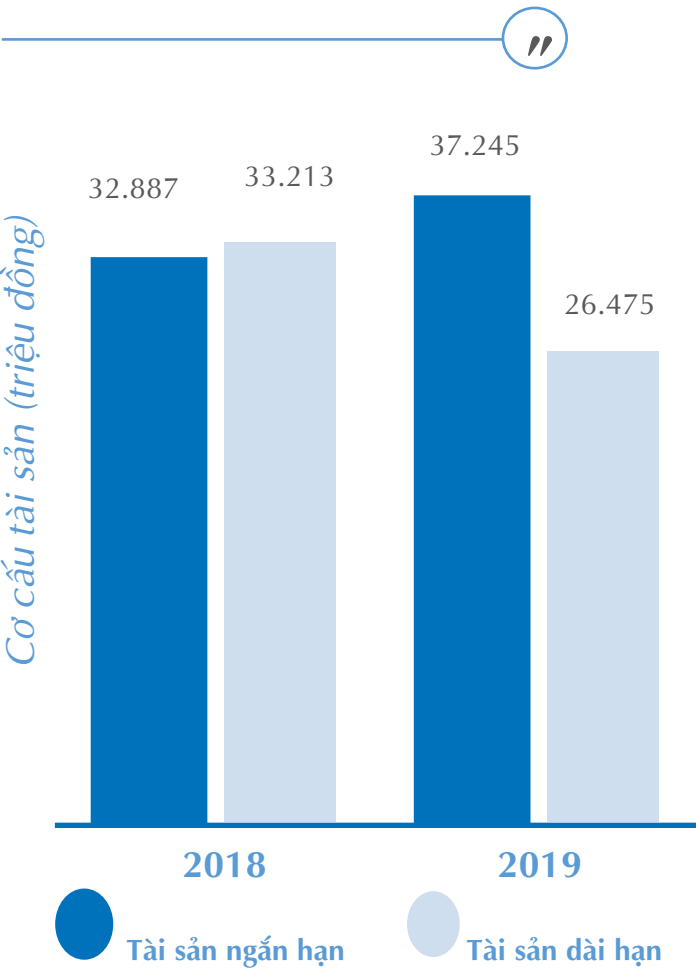


Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	Tỷ trọng 2018	31/12/2019	Tỷ trọng 2019	TH2019/ TH2018
Tài sản ngắn hạn	32.887	49,75%	37.245	58,45%	13,25%
Tài sản dài hạn	33.213	50,25%	26.475	41,55%	-20,29%
Tổng tài sản	66.100	100,00%	63.720	100,00%	-3,60%

Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Nước giải khát Sanna năm 2019



Tổng giá trị tài sản ở năm 2019 không có nhiều thay đổi so với cùng kỳ, nhưng cơ cấu tài sản trong năm lại có sự thay đổi lớn. Tài sản ngắn hạn đã tăng từ 32,89 tỷ đồng lên hơn 37 tỷ đồng ở thời điểm cuối năm 2019, nguyên nhân đến do khoản tiền mặt gửi tại ngân hàng của Công ty tăng lên cộng với giá trị hàng tồn kho thành phẩm cũng tăng lên do Công ty đẩy mạnh sản xuất để phục vụ nhu cầu của thị trường vào dịp tết. Ngược lại, tài sản dài hạn trong năm lại bị giảm hơn 20% so với năm 2018, đến từ khoản giảm xuống của lợi thế kinh doanh.

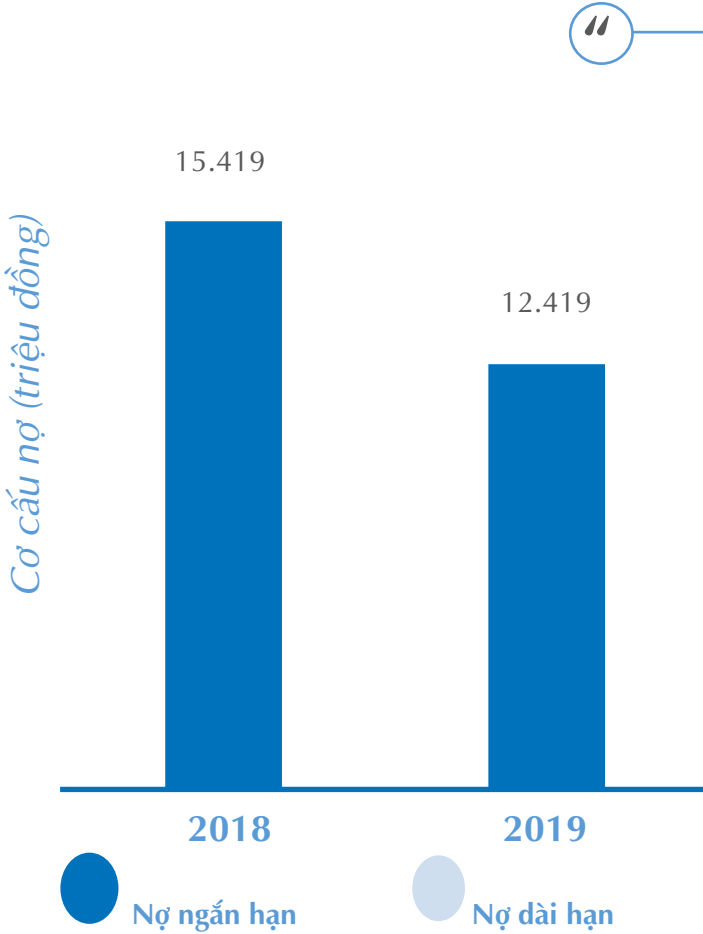
Tình hình nợ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	Tỷ trọng 2018	31/12/2019	Tỷ trọng 2019	% tăng, giảm
Nợ ngắn hạn	15.419	100,00%	12.419	100,00%	-19,46%
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	15.419	100,00%	12.419	100,00%	(21,07%)

Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Nước giải khát Sanna năm 2019

T toàn bộ các nợ phải trả của Công ty đều là nợ ngắn hạn, Công ty không phát sinh bất cứ khoản nợ dài hạn nào. Ở thời điểm cuối năm 2019, các khoản nợ của Sanna đã giảm xuống chỉ còn hơn 12 tỷ đồng, giảm gần 20% so với cùng kỳ. Nguyên nhân do trong năm Công ty đẩy nhanh việc thanh toán tiền hàng cho các nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào như chai nhựa, lọ nhựa, bao bì giấy,... làm các khoản phải trả người bán giảm hơn 33% so với cùng kỳ.





NHỮNG CẢI TIẾN VỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Công tác sản xuất

Bố trí ca sản xuất và con người khoa học, hợp lý, cùng với các giải pháp nâng cao năng suất lao động, sử dụng lực lượng hiện có đồng thời tăng cường lao động thời vụ vào mùa cao điểm.

Tại mỗi công đoạn sản xuất luôn được tổ chức kiểm soát chặt chẽ theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, HACCP để đảm bảo thành phẩm nhập kho đạt chất lượng tốt nhất trước khi ra ngoài thị trường.

Công tác kinh doanh

Giữ vững 17 Nhà phân phối, đại lý hiện có tại Khánh Hòa. Phối hợp với các Chi nhánh vùng thị trường của Công ty Yến Sào Khánh Hòa xây dựng kế hoạch, chính sách và các chương trình phát triển sản phẩm.

Thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra, giám sát các vùng thị trường để nắm rõ tình hình hoạt động cụ thể của hệ thống, tình hình của thị trường, khả năng kinh doanh của từng đại lý phân phối, điểm tiêu thụ và nhất là của đối thủ cạnh tranh từ đó có những điều chỉnh phương án kinh doanh kịp thời.



Công tác bảo trì hệ thống MMTB được triển khai thực hiện thường xuyên, việc chủ động dự phòng các chi tiết máy, nhân sự được phân công bám sát ca sản xuất đã khắc phục kịp thời các sự cố và đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

Kiểm soát tốt chất lượng vật tư đầu vào, đánh giá đầy đủ các tiêu chuẩn chất lượng của vật tư. Phản ánh kịp thời với Lãnh đạo để có phương hướng xử lý vật tư không đạt theo tiêu chuẩn chất lượng. Tăng cường công tác kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo môi trường sản xuất.



Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh sản phẩm nước Chanh dây và nước Chanh muối đặt biệt phát triển thị trường ngoài tỉnh các dòng sản phẩm này. Tăng cường công tác quảng bá hình ảnh sản phẩm thông qua các hoạt động tập luyện và thi đấu của các đội bóng; chương trình trưng bày kết hợp dùng thử sản phẩm...

Xây dựng kế hoạch kinh doanh cho từng thị trường, đồng thời kiểm tra, đôn đốc, triển khai các chính sách hỗ trợ, phân tích đánh giá mức độ thực hiện để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch thực hiện, làm căn cứ giao kế hoạch.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Bên cạnh những thiếu sót cần khắc phục và rút kinh nghiệm, trong năm 2019 Công ty đạt được nhiều tiến bộ trong công tác tổ chức, quản lý

- Công ty luôn thiết kế và hoàn thiện sản phẩm để sản phẩm ngày càng được người tiêu dùng đánh giá cao hơn. Các sản phẩm giải khát của Công ty như: Rong biển, hồng sâm, chanh dây chanh muối luôn tìm kiếm ra những hương nghiên cứu phát triển sản phẩm ngày một ngon hơn, chất lượng hơn, hướng tới sát thị hiếu của người tiêu dùng.
- Không ngừng cải tiến, nâng cấp đối với Website của Công ty, đưa ra những ý tưởng thiết kế về mẫu mã bao bì, thường xuyên cập nhật các tin tức, sự kiện liên quan đến Công ty, sản phẩm và các chương trình khuyến mãi mới nhất, nhằm hỗ trợ cho cổ đông và khách hàng nắm bắt đầu đủ thông tin về Công ty và sản phẩm.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Các chỉ tiêu nhiệm vụ cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch
1	Vốn điều lệ	triệu đồng	50.000.000.000
2	Tổng doanh thu	triệu đồng	122.700.000.000
3	Lợi nhuận từ HĐKD	triệu đồng	41.659.000.000
4	Lợi nhuận khác	triệu đồng	30.000.000
5	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	4.664.000.000
6	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	3.731.000.000
7	Tỉ lệ cổ tức	%	66% (492,5 đồng/cp)

Phương hướng nhiệm vụ

Dựa trên tình hình thực hiện doanh thu, sức tiêu thụ của 2019; Trước mắt sẽ tiếp tục ưu tiên đầu tư cho việc giữ vững và phát triển nâng thị phần tại các thị trường trọng điểm tập trung chính ở Khánh Hòa. Trước ảnh hưởng của dịch bệnh Covid - 19, các hoạt động xúc tiến thị trường tạm thời chưa khởi động, tuy nhiên ngay sau khi hết dịch, sẽ xúc tiến phát triển thị trường ở khu vực Miền trung, Tây Nguyên và Miền Tây.

Kế hoạch 2020 sẽ cho ra mắt 2 dòng sản phẩm mới: Nước yến sào nha đam và nước bình 5 lít nhằm đa dạng hóa các dòng sản phẩm của Công ty đồng thời đáp ứng nhu cầu cũng như thị hiếu của người tiêu dùng, tăng thêm doanh thu.

Chuyển đổi các dòng nước ngọt của Công ty sang quy cách đóng lon nhằm chung tay chống rác thải nhựa và nâng cao giá trị sản phẩm đồng thời xúc tiến bán vào các kênh nhà hàng, tiệc cưới và khách sạn...

Tăng cường quảng bá thông qua các hoạt động tài trợ các giải đấu thể thao, các đội bóng của Công ty, các chương trình hoạt động văn hóa trong và ngoài tỉnh.

Tổ chức cho nhân viên QBTT kết hợp NVTT địa bàn chương trình Sampling tại khu vực thị trường tại các shop, điểm bán nơi tập trung đông người với mục đích quảng bá và bán hàng trực tiếp đến người tiêu dùng.





CHƯƠNG 4: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của HĐQT



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về công tác tổ chức, quản lý điều hành công ty

Công ty đã tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 vào ngày 26/4 với sự tham gia của 42 đại biểu (90 đại biểu ủy quyền) chiếm 92,31% số cổ phần có quyền biểu quyết, trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, các kế hoạch đầu tư và phương hướng triển khai trong năm 2019 nhằm hướng tới các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả.

Trong năm 2019, Công ty đón tiếp các Cơ quan Ban ngành về kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Ngày 03/7/2019, Công ty TNHH QMS Việt Nam thực hiện đánh giá tiêu chuẩn ISO 9001:2015, 14001:2015, HACCP của Công ty từ đó đưa ra các đề xuất, biện pháp khắc phục và cải tiến theo chuẩn ISO quy định.

- Ngày 08/8/2019, Công ty tiếp đoàn Cảnh sát PCCC & CNCH khu vực 2 đến kiểm tra các công tác về PCCC & CNCH. Trong buổi kiểm tra, Đoàn đã yêu cầu thực hiện giải phóng hàng hóa trước cửa kho và tiếp tục trang bị trang phục chữa cháy cho lực lượng PCCC cơ sở trong thời gian tới.

- Ngày 10/09/2019, tiếp đoàn thanh tra Trung tâm kiểm soát Bệnh tật Sở Y tế Khánh Hòa. Trong buổi làm việc, Trung tâm đã làm rõ những ưu khuyết điểm còn tồn đọng từ đó đưa ra những kiến nghị, cải tiến công tác quản lý sức khỏe tại Công ty.

- Từ ngày 30/9/2019 đến ngày 10/10/2019, Công ty tiếp đoàn Cục thuế tỉnh Khánh Hòa thực hiện thanh tra tình hình thuế theo Quyết định số 2257/QĐ-CT ngày 24/9/2019 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa.

- Ngày 10/9/2019, Công ty phối hợp với Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Khánh Hòa thực hiện kiểm tra việc chấp hành pháp luật về vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe, phòng chống bệnh nghề nghiệp tại cơ sở lao động. Kết luận sau buổi làm việc, Công ty thực hiện đầy đủ công tác khám sức khỏe, quan trắc môi trường lao động, huấn luyện sơ cấp cứu và vệ sinh lao động.

- Ngày 4/10/2019, Công ty tiếp đoàn Trung tâm Kỹ thuật đo lường Khánh Hòa thực hiện quan trắc môi trường quý III/2019.

- Ngày 26/11, Công ty tiếp đoàn giám sát chứng nhận VietCert thực hiện công tác đánh giá tái chứng nhận.

Ngoài công tác tiếp đón các cơ quan ban ngành, Công ty còn thực hiện nghiêm túc các quy định về sức khỏe, an toàn lao động của CB CNV, ngày 27/10/2019 Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 146 cán bộ công nhân lao động tại Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Khánh Hòa.

Chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ như cử CB CNLĐ tham gia các khóa đào tạo về hành chính công và nghiệp vụ BHXH.

Trong tháng 10 và tháng 11, trước tình hình diễn biến khó lường của cơn bão số 5 và 6, Ban Giám đốc Công ty đã thành lập Ban phòng chống lụt bão, đưa ra các chỉ đạo kịp thời đảm bảo an toàn về con người và tài sản.

Về công tác chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh

HĐQT luôn đồng hành cùng Ban Giám đốc giám sát và chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch thông qua việc tham dự các cuộc họp xem xét lãnh đạo định kỳ hàng tháng.

Công tác điều hành sản xuất đảm bảo hàng hóa đáp ứng đầy đủ cho thị trường đặc biệt là vào dịp lễ, chú trọng công tác quảng bá và phát triển các vùng thị trường, cụ thể: Công ty đã thực hiện đẩy mạnh phát triển thị trường tại Ninh Thuận - Bình Thuận và 5 tỉnh Tây Nguyên, giới thiệu sản phẩm tại giải bóng đá cúp Quốc gia V-league, tham gia quảng bá sản phẩm tại Hội chợ nghề, làng nghề và các sản phẩm đặc trưng tỉnh Khánh Hòa năm 2019.

Kế hoạch sản xuất luôn đồng bộ với kế hoạch kinh doanh cùng với sự linh hoạt trong việc giao nhận hàng hóa cho khách hàng, đại lý đảm bảo hàng hóa không bị tồn đọng.

Tăng cường đẩy mạnh các dòng sản phẩm nước giải khát chanh muối, chanh dây, rong biển, thực hiện các chương trình Sampling quảng bá giới thiệu sản phẩm ở các tụ điểm đông dân cư và khách du lịch, phân khoán doanh thu tăng trưởng cho các Nhà phân phối và Nhân viên tiếp thị phát triển sản phẩm hỗ trợ Nhà phân phối.

Cải tiến chất lượng sản phẩm nước giải khát, điều chỉnh mùi vị sản phẩm phù hợp với từng vùng miền, áp dụng quy trình và công thức mới cho sản phẩm chanh muối, chanh dây và rong biển. Công tác kiểm tra kiểm soát chất lượng sản phẩm thực hiện nghiêm ngặt, tuân thủ các quy trình của hệ thống quản lý chất lượng ISO và HACCP, sản phẩm được kiểm tra chất lượng từ nguyên liệu đầu vào cho đến khi ra thành phẩm đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật khi xuất ra thị trường.



Đưa ra chỉ đạo kịp thời để khắc phục lỗi hệ thống trên các dây chuyền sản xuất, hạn chế tối đa việc dừng sản xuất trong thời gian dài và các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm. Điển hình như hiện tượng cặn đen, mảng bám xuất hiện trên dây chuyền 3000sp/h đã được khắc phục vào ngày 17/8 hay hiện tượng rò rỉ dầu do hư phốt chắn dầu trên dây chuyền 5000sp/h đã được sửa chữa trong ngày 27/8.

Trong tháng 9, Công ty tiến hành làm việc với 05 nhà cung cấp để đưa ra thống nhất chung về giá thành nhằm tiết giảm chi phí nguyên vật liệu đầu vào trong sản xuất.

Phát huy tối đa năng suất lao động của mỗi cá nhân trong sản xuất kinh doanh, tính đến tháng 12/2019, Công ty hiện đang có 187 cán bộ công nhân lao động chính thức và 13 lao động thời vụ, khối sản xuất làm việc bình quân 02 ca/ngày, tổ chức sản xuất trung bình 27 ngày/tháng.

Về công tác quản lý tài chính

Thông qua việc ứng dụng phần mềm quản lý kế toán, HĐQT cập nhật kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời, nhất quán và minh bạch. Đồng thời tại các cuộc họp hàng tháng, HĐQT đã xem xét và thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD và các số liệu về tình hình tài chính của Công ty do Giám đốc Công ty trình bày.

Về quan hệ cổ đông và chia cổ tức

HĐQT kết hợp chặt chẽ với BKS để kiểm tra, nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Các phiên họp của HĐQT đều có sự tham dự của các thành viên BKS. Qua đó, HĐQT trao đổi, tiếp nhận những ý kiến đóng góp và đề xuất mang tính xây dựng của BKS. Các ý kiến đóng góp của BKS đều được ghi nhận và là cơ sở khi thông qua các quyết định của HĐQT nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như quy định của Pháp luật hiện hành.

Trong tháng 7, Công ty đã thực hiện công bố thông tin danh sách các cổ đông nhà nước và cổ đông lớn (sở hữu trên 5% cp của Công ty) gửi cho VSD, tính đến thời điểm công bố thông tin, Công ty hiện đang có 01 cổ đông Nhà nước và 03 cổ đông lớn tương ứng 3.600.000 cp chiếm 72% tổng số cổ phần của Công ty. Trong đó Công ty TNHH NN MTV YẾN SÀO KHÁNH HÒA là cổ đông lớn nhất chiếm 51% tổng số cổ phần.

Về quan hệ với Ban Kiểm soát

HĐQT kết hợp chặt chẽ với BKS để kiểm tra, nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Các phiên họp của HĐQT đều có sự tham dự của các thành viên BKS. Qua đó, HĐQT trao đổi, tiếp nhận những ý kiến đóng góp và đề xuất mang tính xây dựng của BKS. Các ý kiến đóng góp của BKS đều được ghi nhận và là cơ sở khi thông qua các quyết định của HĐQT nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như quy định của Pháp luật hiện hành.

Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT

Về thù lao: Thực hiện theo đúng các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Về chi phí hoạt động của HĐQT: Chưa phát sinh.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- » HĐQT luôn đồng hành cùng Ban Giám đốc giám sát, chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch thông qua việc tham dự các cuộc họp xem xét Lãnh đạo định kỳ hàng tháng.
- » Ban điều hành Công ty đã chấp hành đầy đủ các chủ trương, chính sách và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Công tác tài chính được kiểm soát chặt chẽ, thực hiện công tác quyết toán định kỳ đảm bảo chính xác và kịp thời.
- » Công tác điều hành sản xuất đảm bảo hàng hóa đáp ứng đầy đủ cho thị trường đặc biệt là vào các thời gian cao điểm tết âm lịch 2018. Kế hoạch sản xuất luôn đồng bộ và sát với kế hoạch kinh doanh nên đảm bảo hàng hóa không tồn đọng.
- » Phát huy tối đa năng suất lao động của mỗi cá nhân trong sản xuất kinh doanh, tăng cường lực lượng lao động thời vụ trong những tháng cao điểm nhằm đảm bảo sản lượng.
- » Các dòng sản phẩm của Công ty gặp phải sự cạnh tranh gay gắt của nhiều nhãn hàng cùng loại trên thị trường, tuy nhiên với sự linh hoạt trong vận hành và các chương trình, chính sách hợp lý, Công ty vẫn đảm bảo hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2019.
- » Công tác tài chính được kiểm soát chặt chẽ, thực hiện công tác quyết toán định kỳ đảm bảo chính xác và kịp thời.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công tác sản xuất

Tiếp tục duy trì thực hiện hệ thống quản trị sản xuất, quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO và HACCP, tổ chức sản xuất tuân thủ chặt chẽ các quy trình, chuẩn mực của ngành hàng, đảm bảo tuyệt đối an toàn vệ sinh thực phẩm. Duy trì lực lượng lao động hiện có, bố trí nhân sự tại mỗi khâu, công đoạn sản xuất hợp lý nhằm nâng cao năng suất lao động, nâng cao sản lượng nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường trong năm 2020.

Kiểm soát chặt chẽ chất lượng vật tư, nguyên liệu đầu vào và thành phẩm trong quá trình bảo quản, lưu kho. Hàng tháng thực hiện đánh giá chất lượng vật tư của các nhà cung cấp vật tư, theo dõi các biến động về giá cả vật tư, bao bì và phản hồi với nhà cung cấp. Thực hiện vận chuyển, bốc xếp hợp lý, tránh làm sản phẩm hoặc bao bì bị biến dạng và giảm chất lượng.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm. Tổ chức công tác đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ vận hành và bảo trì thiết bị.

Công tác kinh doanh

Tăng cường công tác chăm sóc nhằm giữ vững hệ thống khách hàng đặc biệt là 17 Nhà phân phối, đại lý hiện có và phát triển thêm nhiều kênh bán hàng truyền thống tại thị trường trọng điểm Khánh Hòa, kiểm soát những điểm bán có nguồn hàng bán phá giá từ nội bộ Công ty Yến Sào Khánh Hòa, phối hợp với các Chi nhánh vùng thị trường của Công ty Yến Sào Khánh Hòa xây dựng kế hoạch, chính sách và các chương trình phát triển sản phẩm.

Tổ chức tổ KDTT chuẩn bị hàng hóa đầy đủ, triển khai tập trung chăm sóc, tặng quà tri ân cho các khách hàng nhân dịp Lễ, Tết năm 2020. Thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra, giám sát các vùng thị trường để nắm rõ tình hình hoạt động, khả năng kinh doanh của từng đại lý phân phối, điểm tiêu thụ và nhất là của đối thủ cạnh tranh từ đó có những điều chỉnh phương án kinh doanh kịp thời.

Trong quý I/2020, Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh sản phẩm NGK, đặc biệt phát triển thị trường ngoài tỉnh các dòng sản phẩm này. Tăng cường công tác quảng bá hình ảnh sản phẩm thông qua các hoạt động tập luyện và thi đấu của các đội bóng; chương trình trưng bày kết hợp dùng thử sản phẩm...

Xây dựng kế hoạch kinh doanh cho từng thị trường, đồng thời kiểm tra, đôn đốc, triển khai các chính sách hỗ trợ, phân tích đánh giá mức độ thực hiện để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch thực hiện, làm căn cứ giao kế hoạch kỳ sau.



Công tác đầu tư

Lên kế hoạch kế đầu tư dây chuyền chiết rót lon sản phẩm nước Yến nha đam công suất 2.000 sp/h, dự kiến sẽ đưa vào hoạt động vào Quý II/2020.

Công tác tài chính

Tập trung đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu các mặt hàng tạo hiệu quả cao như: Chanh muối, chanh dây, hồng sâm, rong biển.

Kiểm soát và tiết giảm chi phí ở mức hợp lý nhất.

Tính toán quỹ lương, quỹ thưởng để đảm bảo thu nhập cho người lao động.

Công tác quản lý hành chính

Chuẩn bị hoàn tất hồ sơ để tiếp đón đoàn QMS đánh giá định kỳ nhằm thực hiện công tác duy trì giấy chứng nhận ISO 9001, 14001:2015 & HACCP thời hạn từ năm 2020 đến năm 2023.

Thực hiện nghiên cứu điều chỉnh mức lương theo vùng năm 2020 cho cán bộ công nhân lao động, thực hiện báo cáo gửi đến các cơ quan, tổ chức Nhà nước theo quy định như: Báo cáo tình hình thay đổi lao động, Báo cáo tình hình PCCC&CNCH nửa cuối năm 2019, Báo cáo công tác an toàn vệ sinh lao động, Báo cáo y tế lao động năm 2019...

Đầu tư vào việc đào tạo nâng cao trình độ nhân lực của Công ty bằng việc cử cán bộ công nhân lao động tham gia vào các khóa học ngắn hạn và áp dụng những thứ đã học vào công việc.



CHƯƠNG 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị,
Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh	9/12/1964
Nơi sinh	Nha Trang, Khánh Hòa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	8/6 Nguyễn Thiện Thuật, Nha Trang
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế Thủy sản, Cử nhân Ngoại ngữ (Tiếng Anh)

Quá trình công tác

1987 - 1991	Nhân viên Kế toán tại Công ty Liên doanh Thủy sản Nha Trang.
7/1991 - 01/2001	Chuyên viên phòng Khoa học, chuyên viên phòng Tổng hợp Công ty Yến Sào Khánh Hòa.
02/2001 - 01/2002	Phó phòng Tổng hợp Công ty Yến sào Khánh Hòa.
02/2002 - 10/2003	Trưởng Ban Quản lý Dự án Công ty Yến sào Khánh Hòa.
11/2003 - 12/2015	Giám đốc Nhà máy NGKCC Yến sào thuộc Công ty Yến sào Khánh Hòa (đến năm 2009 đổi tên thành Công ty TNHH NN MTV Yến sào Khánh Hòa).
12/2015 - 11/2017	Giám đốc Công ty TNHH MTV NGK Sanest Khánh Hòa kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV NGK Sanna Khánh Hòa.
11/2017 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dịch vụ Văn hóa và Quảng cáo Khánh Hòa, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP NGK Sanest Khánh Hòa, Chủ tịch HĐQT Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dịch vụ Văn hóa và Quảng cáo Khánh Hòa;
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP NGK Sanest Khánh Hòa.

Số cổ phần nắm giữ (31/12/2019)

951.768 cổ phần, chiếm 19,04% vốn điều lệ

Đại diện

850.000 cổ phần, chiếm 17% vốn điều lệ

Cá nhân

101.768 cổ phần, chiếm 2,04% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan

Không có

Bà Nguyễn Hạ Hiền
Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh	28/6/1985
Nơi sinh	Nha Trang, Khánh Hòa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	45/3 Quang Trung, P. Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Khánh Hòa
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kế toán kiểm toán

Quá trình công tác

01/2009 - 05/2018	Nhân viên Phòng Kế hoạch - Tài vụ Công ty Yến sào Khánh Hòa (đến năm 2009 đổi tên thành Công ty TNHH NN MTV Yến sào Khánh Hòa).
2007 - 2017	Giám đốc Công ty TNHH MTV NGK Sanna Khánh Hòa thuộc Công ty TNHH NN MTV Yến sào Khánh Hòa.
06/2014 - nay	Phụ trách Kế toán Nhà khách Khánh Hòa.
06/2018 - nay	Phó phòng KHTV Công ty TNHH NN MTV Yến sào Khánh Hòa
03/2018 - nay	Thành viên HĐQT Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dịch vụ Văn hóa và Quảng cáo Khánh Hòa;
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP NGK Sanest Khánh Hòa.

Số cổ phần nắm giữ (31/12/2019)

850.000 cổ phần, chiếm 17% vốn điều lệ

Đại diện

850.000 cổ phần, chiếm 17% vốn điều lệ

Cá nhân

0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan

Không có

Ông Nguyễn Ngọc Huy
Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh	4/10/1975
Nơi sinh	Nam Định
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	63/14 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Văn Hải, TP. Phan Rang Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư quản lý đất đai

Quá trình công tác

2000 -2004	Chuyên viên Sở Tài nguyên Môi trường Bình Thuận.
2005 - 2007	Chuyên viên UBND tỉnh Ninh Thuận.
2008 - 2012	Phó trưởng phòng Quản lý đất đai - Sở Tài nguyên Môi trường Ninh Thuận.
2013 - nay	Giám đốc Công ty TNHH Bao bì nhựa Vĩnh An
11/2017 - nay	Thành viên HĐQT Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Giám đốc Công ty TNHH Bao bì Nhựa Vĩnh An
Số cổ phần nắm giữ (31/12/2019)	350.000 cổ phần, chiếm 7% vốn điều lệ
Đại diện	350.000 cổ phần, chiếm 7% vốn điều lệ
Cá nhân	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Công ty TNHH Bao bì nhựa Vĩnh An sở hữu 350.000 cổ phần tương ứng tỷ lệ 7% vốn điều lệ.

Ông Đào Minh Tú
Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh	01/5/1971
Nơi sinh	Hà Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	1/5A Ấp Đình, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, TP.Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư hàng hải

Quá trình công tác

07/1992 - 02/2005	Quản đốc Công ty TNHH TM Tiên Tấn.
02/2005 - nay	Giám đốc Công ty TNHH SX TM DV Minh Thông.
03/2018 - nay	Thành viên HĐQT Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Giám đốc Công ty TNHH SX TM DV Minh Thông.
Số cổ phần nắm giữ (31/12/2019)	350.000 cổ phần, chiếm 7% vốn điều lệ
Đại diện	350.000 cổ phần, chiếm 7% vốn điều lệ
Cá nhân	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Công ty TNHH SX TM DV Minh Thông sở hữu 350.000 cổ phần tương ứng tỷ lệ 7% vốn điều lệ.

Ông Nguyễn Thanh Hải
Thành viên Hội đồng quản trị

Xem lý lịch ông Nguyễn Thanh Hải tại phần lý lịch Ban Giám đốc

Danh sách thay đổi thành viên Hội đồng quản trị Không có
Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập Không có
Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị Không có

Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên
Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày sinh	2/9/1982
Nơi sinh	Ninh Hòa, Khánh Hòa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	190/10 Lê Hồng Phong, Nha Trang, Khánh Hòa
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

2005 - nay	Nhân viên Phòng Kế hoạch -Tài vụ Công ty TNHH NN MTV Yến sào Khánh Hòa.
11/2017 - nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Nhân viên Phòng Kế hoạch -Tài vụ Công ty TNHH NN MTV Yến sào Khánh Hòa.
Số cổ phần nắm giữ (31/12/2019)	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Không có

Bà Bùi Hoàng Vũ
Kiểm soát viên

Ngày sinh	17/2/1982
Nơi sinh	Khánh Hòa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	34A Ngô Đức Kế, Nha Trang
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp

Quá trình công tác

2007 - nay	Nhân viên Phòng Kế hoạch - Tài vụ Công ty TNHH NN MTV Yến sào Khánh Hòa.
11/2017 - nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Nhân viên Phòng Kế hoạch - Tài vụ Công ty TNHH NN MTV Yến sào Khánh Hòa.
Số cổ phần nắm giữ (31/12/2019)	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Không có

Bà Đinh Thị Thúy Phượng
Kiểm soát viên

Ngày sinh	6/12/1984
Nơi sinh	Khánh Hòa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Tổ 3 thôn Phú Vinh, Vĩnh Thạnh, Nha Trang
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán

Quá trình công tác

9/2007 - 11/2017	Kế toán viên Công ty TNHH MTV NGK Sanna Khánh Hòa.
11/2017 - nay	Thành viên BKS kiêm Kế toán viên Công ty CP NGK Sanna Khánh Hòa.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ (31/12/2019)	2.900 cổ phần (cá nhân), chiếm 0,058% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Không có



Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành:

Ban Kiểm soát đều tổ chức họp định kỳ đồng thời thường xuyên trao đổi thông tin nội bộ nhằm mục đích kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty theo chức năng quy định.



Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị phù hợp với Pháp luật và Điều lệ Công ty; kịp thời quyết định những vấn đề quan trọng để thực hiện chiến lược, định hướng kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và theo tinh thần Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.



Ban điều hành đã vận hành Công ty hoạt động một cách hiệu quả, chủ động phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển theo kế hoạch đã đề ra, đảm bảo Công ty luôn hoạt động đúng quy định Pháp luật, Điều lệ Công ty.



Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định, đảm bảo lợi ích của Công ty và của cổ đông.

Đơn vị tính: đồng

Họ và tên		Lương	Thù lao	Thưởng
Hội đồng quản trị				
Bà	Lê Thị Hồng Vân		52.800.000	
Ông	Nguyễn Thanh Hải		42.240.000	
Bà	Nguyễn Hạ Hiền		21.120.000	
Ông	Nguyễn Ngọc Huy		42.240.000	
Ông	Đào Minh Tú		42.240.000	
Ban kiểm soát				
Bà	Nguyễn Thị Ngọc Quyên		36.960.000	
Bà	Bùi Hoàng Vũ		26.400.000	
Bà	Đinh Thị Thúy Phượng		26.400.000	
Ban điều hành				
Bà	Lê Thị Hồng Vân			35.776.000
Ông	Nguyễn Thanh Hải	206.777.000		130.076.000
Ông	Nguyễn Văn Lành	190.583.000		121.830.000
Bà	Nguyễn Lê Thùy Linh	190.583.000		120.935.000
Bà	Nguyễn Thị Hạnh Quyên	156.907.000		110.704.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm: không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



CHƯƠNG 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2019

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC
FAC AUDITING CO., LTD
Website : www.kiemtoan.net.vn



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC - FAC AUDITING CO., LTD

Trụ Sở Chính	: 64/4 Đường DHT 21, Phường Đồng Hưng Thuận, Quận 12, TP. HCM.	Tel : (028) 3636 4038	Fax : (028) 3719 3949
Chi Nhánh Nha Trang	: 27 Đường B1, Khu Đô Thị Vĩnh Diêm Trung, Xã Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, Khánh Hòa.	Tel : (0258) 3895 777	Fax : (0258) 3893 377
Chi Nhánh Vũng Tàu	: 169 Trường Công Định, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.	Tel : (0254) 2210 287	Fax : (0254) 6253 070
Chi Nhánh Miền Trung	: 01 Trần Phú, P. Tân Thành, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam.	Tel : (0235) 2226 889	Fax : (0235) 3837 878
Chi Nhánh Hà Nội	: Phòng 2M05, Tầng 2A, Tòa nhà Cowa Tower, số 199 Hồ Tùng Mậu Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.	Tel : (024) 7300 7886	

Số: 026/2020/BCTC-FACNT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa ("Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2020, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Thịnh
Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0473-2018-099-1
Khánh Hòa, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Nguyễn Minh Huy
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 3229-2020-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		37.244.792.302	32.886.957.500
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V. 1	8.653.355.128	6.717.532.696
1. Tiền	111		7.653.355.128	6.717.532.696
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.371.130.043	20.337.976.867
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V. 2	5.928.462.210	13.088.630.179
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		35.719.153	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V. 3	15.406.948.680	7.249.346.688
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		6.997.306.543	5.635.703.884
1. Hàng tồn kho	141	V. 4	6.997.306.543	5.635.703.884
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		223.000.588	195.744.053
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V. 5	221.739.050	187.696.026
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V. 10	1.261.538	8.048.027
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26.474.857.605	33.213.123.992
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		85.800.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		85.800.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		12.507.968.742	16.518.320.995
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V. 6	12.507.968.742	16.518.320.995
Nguyên giá	222		43.145.856.368	41.454.331.187
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.637.887.626)	(24.936.010.192)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.022.560.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V. 7	-	1.022.560.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.881.088.863	15.672.242.997
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V. 8	13.881.088.863	15.672.242.997
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		63.719.649.907	66.100.081.492

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		12.419.317.443	15.419.199.164
I. Nợ ngắn hạn	310		12.419.317.443	15.419.199.164
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V. 9	7.264.551.332	10.885.235.445
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V. 10	432.231.112	386.899.856
4. Phải trả người lao động	314		1.212.240.121	1.220.336.247
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V. 11	731.695.698	428.754.378
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V. 12	2.746.052.292	2.467.713.916
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		32.546.888	30.259.322
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		51.300.332.464	50.680.882.328
I. Vốn chủ sở hữu	410		51.300.332.464	50.680.882.328
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V. 13	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V. 13	26.626.709	26.626.709
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V. 13	1.273.705.755	654.255.619
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V. 13	-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		63.719.649.907	66.100.081.492

Nguyễn Thị Hạnh Quyên
Kế toán trưởng
Người lập biểuNguyễn Thanh Hải
Giám đốcLê Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 3 năm 2020



Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 1	133.941.734.873	153.998.708.392
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI. 1	25.985.197	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		133.915.749.676	153.998.708.392
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	92.549.756.357	113.178.024.665
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41.365.993.319	40.820.683.727
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		17.585.899	14.342.220
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI. 3	19.673.204.849	19.470.688.801
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI. 4	16.927.371.498	16.877.401.572
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.783.002.871	4.486.935.574
11. Thu nhập khác	31		85.123.181	12.449.290
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		85.123.181	12.449.290
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.868.126.052	4.499.384.864
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI. 5	996.562.706	936.951.973
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.871.563.346	3.562.432.891
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI. 6	635	584

Nguyễn Thị Hạnh Quyên
Kế toán trưởng
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Hải
Giám đốc

Lê Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Khánh Hòa, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.868.126.052	4.499.384.864
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V. 6	5.701.877.434	6.321.777.906
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17.585.899)	(14.342.220)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10.552.417.587	10.806.820.550
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.011.393.151	(1.717.984.158)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.361.602.659)	4.239.187.355
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.021.133.075)	1.496.542.547
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.757.111.110	2.021.823.913
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V. 10	(730.000.000)	(1.317.803.860)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	VII. 1	1.300.000.000	1.017.021.488
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	VII. 2	(10.051.058.000)	(8.087.883.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.457.128.114	8.457.724.835
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.118.891.581)	(1.200.268.251)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.585.899	14.342.220
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.101.305.682)	(1.185.926.031)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII. 3	(2.420.000.000)	(1.131.012.710)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.420.000.000)	(1.131.012.710)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.935.822.432	6.140.786.094
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V. 1	6.717.532.696	576.746.602
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V. 1	8.653.355.128	6.717.532.696

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 3 năm 2020


Nguyễn Thị Hạnh Quyên
Kế toán trưởng
Người lập biểu


Nguyễn Thanh Hải
Giám đốc


Lê Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng quản trị



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa ("Công ty") là công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh**
Sản xuất, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh**
Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Khai thác nước khoáng thiên nhiên; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống không có cồn, rượu, bia; Bán lẻ đồ uống không có cồn, rượu, bia; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động...
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán cũng như lập và trình bày báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND").

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập và trình bày Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm các chi phí trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân giá quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản, còn chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 10 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 08 năm |
| - Phương tiện vận tải | 05 - 10 năm |

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư các dự án, xây dựng các hạng mục công trình mà chưa hoàn thành tại ngày lập báo cáo tài chính, như chi phí giao thầu xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

9. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ báo cáo. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính được điều chỉnh giảm doanh thu vào kỳ phát sinh khoản giảm trừ doanh thu.

13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho, dự phòng giảm giá và tổn thất hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận khi phát sinh.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch giữa các bên liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt tại quỹ	1.182.317.310	1.666.938.686
Tiền gửi ngân hàng	6.471.037.818	5.050.594.010
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	1.000.000.000	-
Cộng	8.653.355.128	6.717.532.696

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
Phải thu các bên liên quan	2.885.358.844	11.906.336.436
- Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	1.827.520.757	5.486.068.683
- Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	69.600.680	235.244.000
- Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	44.089.180	31.268.500
- Công ty TNHH MTV Du lịch Tuyền Bắc Nam	-	41.335.789
- Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Fishsan	12.366.000	69.520.500
- Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	11.030.800	33.333.000
- Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	6.263.400	8.503.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng	9.292.800	64.350.000
- Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	-	5.448.912.558
- Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	894.990.747	486.562.906
- Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	10.204.480	1.237.500
Phải thu các khách hàng về hoạt động kinh doanh	3.043.103.366	1.182.293.743
- Công ty TNHH MTV Nha Trang Palace	2.751.167.460	214.368.000
- Các khách hàng khác	291.935.906	967.925.743
Cộng	5.928.462.210	13.088.630.179

3. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019	01/01/2019
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15.323.568.599	7.191.960.734
Tạm ứng của người lao động	82.432.094	57.240.400
Các khoản phải thu khác	947.987	145.554
Cộng	15.406.948.680	7.249.346.688

4. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	869.276.467	-	671.388.443	-
Công cụ, dụng cụ	3.093.777.814	-	2.034.244.975	-
Thành phẩm	2.201.958.165	-	1.269.507.891	-
Hàng hóa	127.536.413	-	396.645.976	-
Hàng gửi bán	704.757.684	-	1.263.916.599	-
Cộng	6.997.306.543	-	5.635.703.884	-

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	195.739.050	166.071.094
Chi phí khác	26.000.000	21.624.932
Cộng	221.739.050	187.696.026

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại 01/01/2019	25.822.144.023	13.021.999.615	2.610.187.549	41.454.331.187
Đầu tư hoàn thành	-	1.022.560.000	668.965.181	1.691.525.181
Tại 31/12/2019	25.822.144.023	14.044.559.615	3.279.152.730	43.145.856.368
Trong đó đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	114.041.741	7.950.316.850	-	8.064.358.591
Hao mòn lũy kế				
Tại 01/01/2019	14.023.107.972	9.142.557.380	1.770.344.840	24.936.010.192
Trích khấu hao	3.043.581.017	2.182.488.508	475.807.909	5.701.877.434
Tại 31/12/2019	17.066.688.989	11.325.045.888	2.246.152.749	30.637.887.626
Giá trị còn lại				
Tại 01/01/2019	11.799.036.051	3.879.442.235	839.842.709	16.518.320.995
Tại 31/12/2019	8.755.455.034	2.719.513.727	1.032.999.981	12.507.968.742

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019	01/01/2019
Đầu tư máy phóng màng co tự động	-	1.022.560.000
Cộng	-	1.022.560.000

8. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Lợi thế kinh doanh theo xác định giá trị doanh nghiệp	13.846.923.499	15.596.008.567
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	34.165.364	76.234.430
Cộng	13.881.088.863	15.672.242.997

9. Phải trả cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Phải trả cho các bên liên quan	1.685.803.564	-
- Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	1.601.061.563	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyến Bắc Nam	84.742.001	-
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	5.578.747.768	10.885.235.445
- Công ty Cổ phần Nhựa Ninh Thuận	1.685.786.454	-
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Minh Thông Khánh Hòa	735.458.692	2.729.025.679
- Công ty TNHH Bao bì nhựa Vĩnh An	-	2.975.515.761
- Công ty TNHH Hiệp Hưng	512.240.366	681.646.130
- Công ty Cổ phần Đông Á	418.950.510	2.010.957.080
- Các nhà cung cấp khác	2.226.311.746	2.488.090.795
Cộng	7.264.551.332	10.885.235.445

10. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau:

	01/01/2019		Số phát sinh trong năm		31/12/2019	
	Phải thu (*)	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu (*)	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	348.046.323	4.164.054.560	4.338.384.450	-	173.716.433
Thuế TNDN	8.048.027	-	996.562.706	730.000.000	-	258.514.679
Thuế TNCN	-	38.853.533	1.005.477.795	1.045.592.866	1.261.538	-
Lệ phí môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	8.048.027	386.899.856	6.169.095.061	6.116.977.316	1.261.538	432.231.112

(*) Thuế phải thu (thuế nộp thừa) được trình bày tại chỉ tiêu "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước".

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh IV.15 và Thuyết minh VI.5.

Các loại thuế khác và các khoản phải nộp khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan có thẩm quyền, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Trích trước chi phí tiếp thị bán hàng	439.422.680	204.459.378
Trích trước chi phí ăn ca	134.700.000	164.295.000
Trích trước các khoản chi phí khác	157.573.018	60.000.000
Cộng	731.695.698	428.754.378

12. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019	01/01/2019
Cổ tức phải trả	2.557.686.173	2.351.205.708
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	81.377.674	86.922.630
Các khoản khác	106.988.445	29.585.578
Cộng	2.746.052.292	2.467.713.916

13. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại 01/01/2018	50.000.000.000	26.626.709	-	526.664.726	50.553.291.435
Trích lập các quỹ	-	-	84.266.356	(177.696.678)	(93.430.322)
Trích thù lao của HĐQT và BKS	-	-	-	(6.635.976)	(6.635.976)
Chia cổ tức	-	-	-	(342.332.072)	(342.332.072)
Lợi nhuận sau thuế năm 2018	-	-	-	3.562.432.891	3.562.432.891
Trích lập các quỹ	-	-	569.989.263	(1.139.978.526)	(569.989.263)
Chia cổ tức theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	-	-	-	(2.422.454.365)	(2.422.454.365)
Tại 31/12/2018	50.000.000.000	26.626.709	654.255.619	-	50.680.882.328
Tại 01/01/2019	50.000.000.000	26.626.709	654.255.619	-	50.680.882.328
Lợi nhuận sau thuế năm 2019	-	-	-	3.871.563.346	3.871.563.346
Trích lập các quỹ	-	-	619.450.136	(1.267.549.840)	(648.099.704)
Trích thù lao của HĐQT và BKS	-	-	-	(48.781.698)	(48.781.698)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.555.231.808)	(2.555.231.808)
Tại 31/12/2019	50.000.000.000	26.626.709	1.273.705.755	-	51.300.332.464

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Cổ đông				
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa	25.500.000.000	51,00	25.500.000.000	51,00
Các cổ đông khác	24.500.000.000	49,00	24.500.000.000	49,00
Cộng	50.000.000.000	100,00	50.000.000.000	100,00

c. Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000

Toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành đều là cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

d. Cổ tức

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019, các cổ đông của Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2018 với tỷ lệ là 68% lợi nhuận sau thuế, tương đương tổng số tiền cổ tức là 2.422.454.365 đồng. Số cổ tức đã được chi trả cho cổ đông trong năm 2019 là 2.420.000.000 đồng.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Tổng doanh thu

	Năm 2019	Năm 2018
Tổng doanh thu	133.941.734.873	153.998.708.392
Các khoản giảm trừ	25.985.197	-
Doanh thu thuần	133.915.749.676	153.998.708.392
Trong đó:		
Doanh thu thuần bán các thành phẩm	103.021.500.243	109.288.498.916
Doanh thu thuần bán hàng hóa	30.894.249.433	42.310.209.476
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	2.400.000.000

b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm 2019	Năm 2018
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	24.045.378.524	36.666.069.328
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	1.912.046.689	2.384.041.362
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	862.944.671	527.396.135
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyến Bắc Nam	247.060.356	381.896.514
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Fishsan	396.597.127	608.840.303
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	209.496.728	289.337.753
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	185.160.300	264.725.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng	465.412.000	1.017.440.000
Công ty TNHH MTV Nông trường Dừa Cam Thịnh	11.051.847	5.063.636
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	20.772.065.322	16.788.402.549
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	2.433.135.255	2.423.370.386
Công ty TNHH MTV Cung ứng nguyên vật liệu Khánh Hòa	79.991.573	19.863.200
Cộng	51.620.340.392	61.376.446.166

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019	Năm 2018
Giá vốn của thành phẩm	68.892.785.949	81.182.270.589
Giá vốn của hàng hóa	23.656.970.408	31.995.754.076
Cộng	92.549.756.357	113.178.024.665

3. Chi phí bán hàng

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí cho nhân viên	6.653.637.145	6.616.835.648
Chi phí vật liệu và đồ dùng	869.954.643	834.885.883
Chi phí khấu hao	358.260.723	347.930.112
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.872.944.172	8.082.112.089
Các chi phí khác	4.918.408.166	3.588.925.069
Cộng	19.673.204.849	19.470.688.801

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nhân viên quản lý	9.321.403.296	8.269.461.980
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	865.439.518	1.685.409.540
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.178.525.769	3.185.770.968
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.295.937.593	1.061.420.311
Các chi phí khác	2.266.065.322	2.675.338.773
Cộng	16.927.371.498	16.877.401.572

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.868.126.052	4.499.384.864
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	114.687.480	185.375.000
Các khoản chi phí không được trừ	114.687.480	185.375.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	4.982.813.532	4.684.759.864
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	996.562.706	936.951.973

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.871.563.346	3.562.432.891
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (*)	(696.881.402)	(641.237.920)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(619.450.135)	(569.989.263)
- Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, thưởng Ban điều hành	(77.431.267)	(71.248.657)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.174.681.944	2.921.194.971
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	635	584

(*) Công ty sử dụng tỷ lệ phân phối lợi nhuận kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua để trích các quỹ nhằm xác định chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu".

7. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.018.619.824	69.521.084.453
Chi phí nhân công	23.988.026.139	23.532.343.362
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.701.877.434	6.321.777.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.168.881.765	9.947.475.103
Chi phí khác bằng tiền	7.989.248.493	6.264.263.842
Cộng	105.866.653.655	115.586.944.666

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh

	Năm 2019	Năm 2018
Nhận lại tiền cổ phần hóa nợ thừa	-	517.021.488
Nhận tiền hỗ trợ khen thưởng, phúc lợi	1.300.000.000	500.000.000
Cộng	1.300.000.000	1.017.021.488

2. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh

	Năm 2019	Năm 2018
Chi khen thưởng, phúc lợi	10.051.058.000	8.087.883.000
Cộng	10.051.058.000	8.087.883.000

3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận còn lại phải trả	-	948.566.123
Bù trừ giữa lợi nhuận còn phải trả và tiền cổ phần hóa nợ thừa	-	(159.885.485)
Chi trả cổ tức	2.420.000.000	342.332.072
Cộng	2.420.000.000	1.131.012.710

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyến Bắc Nam	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Fishsan	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Nông trường Dừa Cam Thịnh	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Cung ứng nguyên vật liệu Khánh Hòa	Công ty CP Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa là chủ sở hữu Công ty này
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2019	Năm 2018
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng	26.399.088.370	40.332.676.281
Thu tiền bán hàng	29.931.342.646	44.497.976.000
Bù trừ công nợ bán hàng và mua hàng	126.293.650	1.374.994.012
Phải trả tiền mua hàng hóa và dịch vụ	1.474.438.450	932.722.338
Phải trả tiền mua hàng hóa và dịch vụ nhờ chi hộ	73.275.000	460.126.174
Thanh toán tiền mua hàng hóa và dịch vụ	1.421.419.800	-
Nhận lại tiền thu cổ phần hóa đã chuyển thừa	-	517.021.488
Bù trừ tiền thu cổ phần hóa chuyển thừa với lợi nhuận phải trả	-	159.885.485
Chi trả lợi nhuận/cổ tức	1.199.114.911	963.279.638
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land		
Phải thu tiền bán hàng	2.103.251.360	2.622.445.500
Thu tiền bán hàng	2.268.894.680	2.203.836.849
Bù trừ công nợ bán hàng và mua hàng	-	183.364.651
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist		
Phải thu tiền bán hàng	949.239.140	580.135.750
Thu tiền bán hàng	936.418.460	551.826.750
Bù trừ công nợ bán hàng và mua hàng	-	10.859.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam		
Phải thu tiền bán hàng	271.766.390	420.086.166
Thu tiền bán hàng	82.685.924	63.540.700
Bù trừ công nợ bán hàng và mua hàng	230.416.255	315.209.677
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu và dịch vụ	562.025.634	734.437.961
Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu và dịch vụ	246.867.378	484.603.564
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Fishsan		
Phải thu tiền bán hàng	436.256.840	669.724.333
Thu tiền bán hàng	493.411.340	657.508.333
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng	230.446.400	318.271.530
Thu tiền bán hàng	252.748.600	308.729.030
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng	203.676.330	291.197.500
Thu tiền bán hàng	205.915.930	336.319.000
Bù trừ công nợ bán hàng và mua hàng	-	1.744.500
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng		
Phải thu tiền bán hàng	511.953.200	1.119.184.000
Thu tiền bán hàng	567.010.400	1.113.739.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2019	Năm 2018
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng	22.831.517.859	18.467.242.803
Thu tiền bán hàng	14.930.503.016	3.131.702.698
Bù trừ công nợ bán hàng và mua hàng	13.349.927.401	9.886.627.547
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	26.635.529.396	36.209.808.870
Phải trả về chi phí trả thưởng thanh toán hộ	98.211.200	-
Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu	11.782.751.632	26.625.323.035
Bù trừ công nợ ba bên	-	940.570.240
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng	2.676.448.783	2.665.707.431
Thu tiền bán hàng	2.268.020.942	2.228.320.625
Công ty TNHH MTV Cung ứng nguyên vật liệu Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng	87.990.730	21.849.520
Thu tiền bán hàng	79.023.750	20.612.020
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		
Tiền thù lao	290.400.000	389.400.000
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng		
Tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng	1.329.827.000	1.279.781.898
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:		
Bên liên quan / Công nợ	31/12/2019	01/01/2019
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	1.827.520.757	5.486.068.683
Phải trả tiền cổ tức (Thuyết minh V.12)	1.303.168.222	1.199.114.911
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	69.600.680	235.244.000
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	44.089.180	31.268.500
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	-	41.335.789
Phải trả tiền mua hàng (Thuyết minh V.9)	84.742.001	-
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Fishsan		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	12.366.000	69.520.500
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	11.030.800	33.333.000
Công ty TNHH MTV Quảng bá Sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	6.263.400	8.503.000

Bên liên quan / Công nợ	31/12/2019	01/01/2019
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	9.292.800	64.350.000
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	-	5.448.912.558
Phải trả tiền mua nguyên liệu (Thuyết minh V.9)	1.601.061.563	-
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	894.990.747	486.562.906
Công ty TNHH MTV Cung ứng nguyên vật liệu Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	10.204.480	1.237.500

2. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, nợ phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác phát sinh trực tiếp từ hoạt động kinh doanh. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường là các khoản tiền gửi ngân hàng.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của mình. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (chủ yếu đối với tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty chỉ có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của mình và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tại 01/01/2019				
Phải trả người bán	10.885.235.445	-	-	10.885.235.445
Chi phí phải trả	428.754.378	-	-	428.754.378
Các khoản phải trả khác	2.467.713.916	-	-	2.467.713.916
Cộng	13.781.703.739	-	-	13.781.703.739
Tại 31/12/2019				
Phải trả người bán	7.264.551.332	-	-	7.264.551.332
Chi phí phải trả	731.695.698	-	-	731.695.698
Các khoản phải trả khác	2.746.052.292	-	-	2.746.052.292
Cộng	10.742.299.322	-	-	10.742.299.322

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ vẫn ở mức kiểm soát được. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

Khánh Hòa, ngày 19 tháng 04 năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính của Công ty.

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.653.355.128	6.717.532.696	7.653.355.128	6.717.532.696
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	5.928.462.210	13.088.630.179	5.928.462.210	13.088.630.179
Phải thu khác	83.380.081	57.385.954	83.380.081	57.385.954
Cộng	14.665.197.419	19.863.548.829	14.665.197.419	19.863.548.829
Nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
Phải trả người bán	7.264.551.332	10.885.235.445	7.264.551.332	10.885.235.445
Chi phí phải trả	731.695.698	428.754.378	731.695.698	428.754.378
Các khoản phải trả khác	2.746.052.292	2.467.713.916	2.746.052.292	2.467.713.916
Cộng	10.742.299.322	13.781.703.739	10.742.299.322	13.781.703.739

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên báo cáo tài chính.

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 3 năm 2020


 Nguyễn Thị Hạnh Quyên
 Kế toán trưởng
 Người lập biểu


 Nguyễn Thanh Hải
 Giám đốc


 Lê Thị Hồng Vân
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

